VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG

TRUNG TÂM THÔNG TIN – TƯ LIỆU

PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN

MỤC LỤC

A. KHU VỰC KINH TẾ TƯ NHÂN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG HIỆN ĐẠI 4

I. Phát triển kinh tế tư nhân tại nước phát triển: kinh nghiệm Hàn Quốc 4

1. Quan hệ giữa nhà nước và khu vực tư nhân 5

2. Vai trò của khu vực tư nhân trong nền kinh tế thị trường hiện nay 7

3. Một số tồn tại trong chính sách phát triển kinh tế tư nhân ở Hàn Quốc .. 10

II. Phát triển kinh tế tư nhân tại các nước đang phát triển 11

1. Các nước đang phát triển 11

2. Các nước đang chuyển đổi (Nga và Đông Âu) 16

III. Kinh nghiệm phát triển kinh tế tư nhân của Trung Quốc 20

1. Vai trò của khu vực tư nhân trong nền kinh tế hiện nay 21

2. Những hạn chế đối với khu vực tư nhân: Tiếp cận thị trường và cạnh tranh lành mạnh 22

3. Chính sách hỗ trợ phát triển khu vực tư nhân 24

4. Xu hướng phát triển của khu vực kinh tế tư nhân Trung Quốc 26

B. KHU VỰC KINH TẾ TƯ NHÂN Ở VIỆT NAM 28

I. Chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về khu vực kinh tế tư nhân từ khi bắt đầu đổi mới đến nay. 28

II. Sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam. 32

1. Những thành tựu và nguyên nhân 32

2. Một số khó khăn và thách thức đối với việc phá triển khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam 39

III. Những kiến nghị nhằm phát triển lành mạnh và phát huy tác dụng của khu vực kinh tế tư nhân trong những năm sắp tới. 45

1. Xác định đúng đắn vai trò quan trọng của khu vực kinh tế tư nhân 45

2. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước: 46
3. Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ nguồn nhân lực.....48
4. Các giải pháp nhằm đảm bảo về vốn cho hoạt động của khu vực kinh tế tư nhân 49
5. Thúc đẩy sự phát triển kết cấu hạ tầng. 49
6. Nâng cao năng lực cạnh tranh của kinh tế tư nhân.....50

Trong kinh tế học, khu vực tư nhân được xác định là một phần trong nền kinh tế quốc dân, do các nhóm tư nhân hoặc do cá nhân điều hành, và khái niệm này thường nói đến các doanh nghiệp hoạt động vì lợi nhuận và không chịu sự điều hành trực tiếp của nhà nước. Còn lại, những doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước hợp thành khu vực nhà nước; các tổ chức tư nhân phi lợi nhuận được coi là một phần trong khu vực tự nguyện.

Quá trình toàn cầu hoá kinh tế đang diễn ra như một xu thế tất yếu tạo sức ép đáng kể để các nước mở cửa nền kinh tế nội địa, hội nhập kinh tế quốc tế nhằm nắm bắt những cơ hội mở rộng thị trường, tiếp thu đầu tư nước ngoài, và nhất là tiếp cận công nghệ mới từ những nền kinh tế đi trước và tham gia vào các chuỗi giá trị được tạo ra trong quá trình sản xuất, lưu chuyển hàng hoá và dịch vụ. Song, cùng với quá trình đó, các nước, nhất là những nước đi sau, chưa có đủ nội lực kinh tế cũng như kinh nghiệm cạnh tranh quốc tế sẽ có nguy cơ chịu nhiều thiệt thòi, thậm chí ngày càng tụt hậu trước sự đi lên của những nước khác nếu không có chiến lược và chính sách đúng đắn huy động và phát triển tiềm lực trong nước. Đến nay, lịch sử phát triển kinh tế đã chứng minh không một nhà nước nào có thể đảm nhiệm được tốt cả chức năng đảm bảo phúc lợi và chức năng phát triển thị trường, đảm bảo tăng trưởng. Chính vì vậy, phát huy vai trò của khu vực tư nhân là yếu tố thiết yếu để huy động tối đa nguồn lực và cơ hội ở cả trong và ngoài nước, xây dựng nền kinh tế thị trường vững mạnh. Để tạo sân chơi bình đẳng, lành mạnh và tiết kiệm các nguồn lực còn khan hiếm của xã hội trong quá trình tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cần tạo cho khu vực kinh tế tư nhân điều kiện để phát triển phù hợp với lợi thế cạnh tranh của mình. Ở đây vai trò chủ đạo lý tưởng nhất của Nhà nước thể hiện ở việc xây dựng hạ tầng cơ sở (cứng và mềm), giám sát thi hành pháp luật, định hướng thông tin phát triển vĩ mô, tổ chức tái phân phối thu nhập và các chương trình công cộng nhằm đảm bảo tính công bằng của nhà nước phúc lợi. Thực tế phát triển ở nhiều nước đã cho thấy không ít thành công của các nước là nhờ huy động đầy đủ và tạo điều kiện phù hợp để khu vực tư nhân phát triển, nhưng cũng đã có một số nước đang phải gánh những hậu quả nghiêm trọng đối với phúc lợi xã hội do những chiến lược và chính sách lệch lạc đối với thành phần kinh tế này. Do đó, song song với việc thúc đẩy kinh tế tư nhân chúng ta cần tham khảo kinh nghiệm quốc tế trong việc xây dựng và vận hành môi trường thể chế cho nền kinh tế thị trường, điều tiết những yếu tố dân sinh và nhóm lợi ích một cách công bằng, khách quan nhất có thể đối với mọi thành phần kinh tế.

A. KHU VỰC KINH TẾ TƯ NHÂN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG HIỆN ĐẠI

I. Phát triển kinh tế tư nhân tại nước phát triển: kinh nghiệm Hàn Quốc

Có thể nói ở hầu hết các nước phát triển, nhất là những nước theo mô hình phát triển kinh tế thị trường tự do kiểu Mỹ, hay cả những nước theo đuổi mô hinh nền kinh tế phúc lợi như những nước phương Tây, khu vực tư nhân đóng vai trò then chốt và xuyên suốt trong suốt quá trình phát triển kinh tế ở những nước này. Sự tồn tại và phát triển của khu vực tư nhân là tất yếu, góp phần quan trọng tạo động lực phát triển kinh tế trong nước và vươn ra nước ngoài (các tập đoàn đa quốc gia). Kinh tế tư nhân là một bộ phận quan trọng cấu thành toàn bộ nền kinh tế. Nhiều quốc gia phát triển mặc nhiên thừa nhận sự tồn tại của hình thức kinh tế này và tích cực phát triển nó như một công cụ hiệu quả để phát triển kinh tế. Có ý kiến cho rằng các nước phát triển là nơi khu vực kinh tế tư nhân có sức mạnh khổng lồ và ưu thế tuyệt đối. Trong số các nước này, một trường hợp rất đáng để tham khảo đó là phát triển kinh tế tư nhân tại Hàn Quốc. Đây là một quốc gia Đông Bắc Á đã tạo nên sự thần kỳ Châu Á, từ một nước bị tàn phá và chia cắt sau chiến tranh đã vươn lên ngang hàng với các nước phát triển trên thế giới nhờ biết nắm bắt mọi thời cơ và vận dụng chính sách linh hoạt để huy động tiềm lực trong nước.

Từ những năm 1960, Hàn Quốc đã đạt thành tích tăng trưởng và hội nhập toàn cầu đáng nể để trở thành một nền kinh tế công nghiệp hóa với nền tảng công nghệ cao tiên tiến nhất thế giới. Từ một nước có GDP bình quân đầu người chỉ xấp xỉ các nước nghèo ở Châu Phi và Châu Á vào thập niên 1950, đến năm 1996 Hàn Quốc đã là thành viên của khối OECD, và gia nhập câu lạc bộ ngàn tỷ đôla trên thế giới năm 2004. Hiện Hàn Quốc là một trong 20 nền kinh tế lớn nhất thế giới. Cho đến nay, chất lượng tăng trưởng kinh tế của Hàn Quốc được đánh giá khá tốt, nhất là so với các nước có cùng giai đoạn và hoàn cảnh phát triển. Ban đầu, hệ thống các mối quan hệ chính phủ và doanh nghiệp khép kín (hầu hết là các doanh nghiệp tư nhân được lựa chọn đề nhận hỗ trợ), cấp tín dụng trực tiếp và hạn chế nhập khẩu là những yếu tố, trong chừng mực nhất định, phù hợp để tạo nên thành công đã được Hàn Quốc áp dụng triệt để. Chính phủ xúc tiến nhập khẩu nguyên liệu thô và công nghệ để xuất khẩu hàng tiêu dùng, đồng thời khuyến khích tiết kiệm và đầu tư hơn là tiêu dùng. Cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á năm 1997 – 98 bùng nổ đã làm bộc lộ những yếu kém có từ lâu của mô hình phát triển Hàn Quốc, cụ thể là tỷ lệ nợ/ tài sản cao và vay nước ngoài ngắn hạn ồ ạt. Năm 1998, tăng trưởng GDP chỉ đạt 6,9% nhưng sau đó đã tăng lên 9% trong giai đoạn 1999-2000. Sau khủng hoảng, Hàn Quốc đã triển khai rất nhiều cải cách kinh

tế, trong đó có mở cửa rộng hơn cho đầu tư nước ngoài và nhập khẩu; đồng thời, do khu vực kinh tế tư nhân đã tương đối phát triển nên nước này cũng mau chóng vượt qua khủng hoảng và nay đã bắt đầu lấy lại sức mạnh của mình. Từ năm 2003 – 2007, tăng trưởng dao động trong khoảng 4-5%. Trước tình trạng suy thoái kinh tế toàn cầu năm 2008, tăng trưởng GDP của Hàn Quốc duy trì ở mức 2,2% năm 2008 và giảm xuống còn 0,8% năm 2009. Nền kinh tế bắt đầu hồi phục từ quý III năm 2009, chủ yếu là nhờ tăng trưởng xuất khẩu, lãi suất thấp, và chính sách tài khóa mở rộng. Tuy nhiên, theo đánh giá chung của các chuyên gia và nhà nghiên cứu, kết quả phục hồi kinh tế của Hàn Quốc đến tương đối sớm và chủ động hơn so với một số nước phát triển khác. Các công ty tư nhân đã được tạo điều kiện hình thành và phát triển thành những tập đoàn xuyên quốc gia chính là động lực cho sự phục hồi này.

1. Quan hệ giữa nhà nước và khu vực tư nhân

Quá trình phát triển của khu vực tư nhân Hàn Quốc có sự gắn kết chặt chẽ với các định hướng phát triển kinh tế, chính sách công nghiệp và những mục tiêu hỗ trợ do nhà nước đặt ra nhằm hướng tới mục đích cuối cùng là đưa nền kinh tế Hàn Quốc từ một nền kinh tế "bắt chước" vào những năm 1960s - 1970s thành một nền kinh tế "đổi mới sáng tạo" vào những năm 1980s và liên tục phát triển ngoạn mục dựa vào thành tựu đổi mới công nghệ cao cho đến nay. Cụ thể như sau:

a. Giai đoạn 1960 - 1970: đuổi theo các nước đi trước nhờ bắt chước công nghệ

Trong giai đoạn này, Hàn Quốc bắt đầu chính sách công nghiệp hoá định hướng xuất khẩu, dựa vào công nghiệp chế biến và chế tạo lắp ráp bằng cách áp dụng công nghệ đã phát triển tại các nước tiên tiến. Để vượt qua những hạn chế của thị trường nội địa, chính phủ khuyến khích tư nhân thành lập các doanh nghiệp lớn. Các doanh nghiệp tư nhân lớn được chính phủ trực tiếp hỗ trợ về tiếp cận vốn song phải chịu sự chi phối của chính phủ trong định hướng phát triển, và chịu trách nhiệm trước chính phủ về hiệu quả hoạt động cũng như năng lực cạnh tranh của mình. Ban đầu, khu vực tư nhân trong nước chưa có đủ năng lực công nghệ nên phải dựa vào các nguồn của nước ngoài. Chính phủ giữ vai trò đầu tàu trong phát triển công nghệ và có ảnh hưởng đến cách thức mà các công ty tiếp thu công nghệ. Lúc này, các viện nghiên cứu do chính phủ tài trợ được thành lập và có đóng góp đáng kể vào việc tăng cường năng lực công nghệ của quốc gia. Bên cạnh đó, khu vực tư nhân tiếp thu công nghệ qua nhập khẩu hàng hoá vốn, cơ khí chế tạo và cấp phép sử dụng công nghệ. Để hỗ trợ quá trình này, chính phủ hạn chế FDI nhưng xúc tiến nhập khẩu hàng hoá vốn và mua quyền sử dụng công nghệ

của nước ngoài nhằm khuyến khích những nỗ lực học hỏi, bắt chước, từ đó phát triển sáng tạo của khu vực tư nhân.

Biểu 1. Mô hình phát triển kinh tế Hàn Quốc trong giai đoạn đuổi theo các nước đi trước

Yếu tố điển hình trong giai đoạn đuổi kịp bằng cách bắt chước này của Hàn Quốc là năng lực nghiên cứu và triển khai của các doanh nghiệp tư nhân lớn phát triển một cách thụ động, các trường đại học và viện nghiên cứu được nhà nước hỗ trợ để đào tạo nguồn nhân lực khoa học kỹ thuật và phát huy khả năng đổi mới sáng tạo. Chính phủ giữ vài trò đầu tàu tích cực dẫn dắt khu vực tư nhân và các tổ chức nghiên cứu.

b. Giai đoạn 1980 - 1990: giai đoạn bắt kịp nhờ đổi mới

Nền kinh tế thế giới trong những năm đầu thập niên 1980 vướng vào suy thoái và các nước phát triển bắt đầu phòng thủ bảo hộ nhiều hơn, buộc các nước đang phát triển phải tăng cường thực hiện những quy định về quyền sở hữu trí tuệ. Vòng đàm phán Uruguay cũng gây sức ép khiến các nước đang phát triển phải mở cửa thị trường nội địa. Trước những thay đổi đó trong nền kinh tế thế giới, các công ty Hàn Quốc nhận thấy cần phát triển năng lực đổi mới và phát triển công nghệ của chính mình. Do vậy, trong giai đoạn này, chính phủ tập trung thiết lập hạ tầng công nghệ thông tin và điều phối các thành phần khác nhau trong nền kinh tế. Bắt đầu từ thập niên 1990, chính phủ tăng cường những chương trình R&D quốc gia nhằm đưa đất nước trở thành một trong những nước đi đầu trong đổi mới công nghệ của thế kỷ 21. Để hiện thực được điều này, chính phủ khuyến khích phát triển những ngành công nghiệp thâm dụng công nghệ như công nghệ thông tin. Luật phát triển công

nghiệp ra đời vào năm 1986. Từ đó, chính phủ nới lỏng những can thiệp và điều tiết của mình đối với chuyển giao công nghệ từ các nguồn nước ngoài, mà chuyển sang đưa ra những biện pháp hỗ trợ dưới dạng miễn thuế và ưu đãi tài chính. Thập niên 1980, 1990 là thời kỳ khu vực tư nhân, đặc biệt là những doanh nghiệp lớn của Hàn Quốc vươn lên trong xây dựng năng lực công nghệ và đổi mới vững mạnh, thể hiện qua việc nhiều công ty và tập đoàn tư nhân của Hàn Quốc nắm giữ bản quyền với những công nghệ then chốt trong phát triển công nghệ thế giới, như DRAM, CDMA, v.v. doanh thu hàng năm từ phí bản quyền công nghệ mà các công ty và tập đoàn quốc tế khác trên thế giới phải trả cho các công ty Hàn Quốc góp một phần không hề nhỏ vào doanh thu của công ty và GDP quốc gia. Đến năm 1996, đã có hơn 2000 phòng nghiên cứu của các công ty được thành lập.

Đặc trưng của giai đoạn này là thực lực nổi lên của khu vực tư nhân với vai trò đầu tàu trong đổi mới và phát triển công nghệ ở Hàn Quốc, dần đẩy lùi và thay thế vị trí dẫn đầu của chính phủ. Phương pháp đổi mới công nghệ được đa dạng hoá từ bắt kịp các nước đi trước nhờ bắt chước kỹ thuật và công nghệ sang bắt kịp nhờ đổi mới sáng tạo. Đáng chú ý là trong giai đoạn này, chính phủ giảm bớt những can thiệp vào thị trường cũng như sự phát triển của khu vực tư nhân, tự do hoá nền kinh tế và điều phối những chiến lược phát triển định hướng đổi mới sáng tạo có sự hỗ trợ của chính phủ.

c. Giai đoạn từ năm 2000 trở lại đây.

Đến giai đoạn này, Hệ thống đổi mới quốc gia đã được hoàn thiện và là mạng lưới kết nối khu vực tư nhân và nhà nước là những thực thể mà các hoạt động và tương tác giữa họ có thể tạo ra, biến đổi và khuyếch tán công nghệ mới. Khu vực tư nhân từ tập trung thương mại hoá những công nghệ của nước ngoài và bắt chước các công ty đi trước trên toàn cầu giờ đã trở thành lực lượng tham gia và dẫn dắt phát triển công nghệ thế giới trong một vài lĩnh vực. Năm 2002, tỷ lệ R&D đóng góp từ khu vực tư nhân chiếm 74% tổng năng lực R&D của cả nước, con số này cao hơn nhiều so với mức trung bình của OECD.

2. Vai trò của khu vực tư nhân trong nền kinh tế thị trường hiện nay

Đến nay, khu vực kinh tế tư nhân là một lực lượng thiết yếu và tạo động lực cơ bản trong nền kinh tế Hàn Quốc. Theo kinh nghiệm của Hàn Quốc, DN nhà nước sẽ không tham gia toàn bộ chuỗi giá trị mà vẫn tạo ra một dư chấn để cho doanh nghiệp tư nhân tham gia. Các doanh nghiệp tư nhân hoàn toàn có thể lớn mạnh, thậm chí lấn át khu vực kinh tế nhà nước là chuyện rất bình thường bởi mục tiêu không phải là vai trò của nhà nước luôn luôn sở hữu và đứng đầu ngành

đó. Nhiều tập đoàn kinh tế tư nhân Hàn Quốc đã phát triển thành các tập đoàn xuyên quốc gia, có vai trò ảnh hưởng dẫn đầu thị trường thế giới trong lĩnh vực của họ xét về chất lượng và số lượng tăng trưởng trong những năm gần đây. Cụ thể là các doanh nghiệp hoạt động trong những lĩnh vực: đóng tàu (đứng đầu thế giới); động cơ ô tô (đứng thứ 6), thép (đứng thứ 8), hoá dầu (đứng thứ 5), dệt (đứng thứ 5), Công nghệ thông tin (dẫn đầu về công nghệ CDMA, đứng thứ 3 về chất bán dẫn, và đứng thứ 5 về các thiết bị kỹ thuật số gia dụng). Dù là một nước phát triển sau, nhưng nhờ có chính sách đúng đắn hỗ trợ và đổi mới kịp thời của nhà nước, khu vực tư nhân của Hàn Quốc đã phát triển hùng mạnh, tạo chỗ đứng và năng lực cạnh tranh vững vàng ở cả trong nước và thế giới. Hiện nay, khu vực tư nhân giữ vai trò nòng cốt trong phát triển công nghệ và đóng góp vào doanh thu xuất khẩu của cả nước.

Bảng 1: Doanh thu xuất khẩu của các thành phần kinh tế Hàn Quốc

Đơn vị tính: triệu đô la Mỹ, %.

	2002	**2003**	**2004**	**2007**
Tổng giá trị xuất khẩu	162,471 (100.0)	193,817 (100.0)	184,883 (100.0)	371,489 (100.0)
Các doanh nghiệp vừa và nhỏ	68,309 (42.0)	81,699 (42.2)	72,208 (39.1)	113,676 (30.6)
Các doanh nghiệp lớn	94,053 (57.9)	112,015 (57.7)	112,460 (60.8)	257,813 (69.4)
Thành phần khác (khu vực nhà nước)	110 (0.1)	103 (0.1)	216 (0.1)	n.a.

Nguồn: Ngân hàng xuất - nhập khẩu Hàn Quốc

Biểu 2: Các chỉ số phát triển R&D của Hàn Quốc

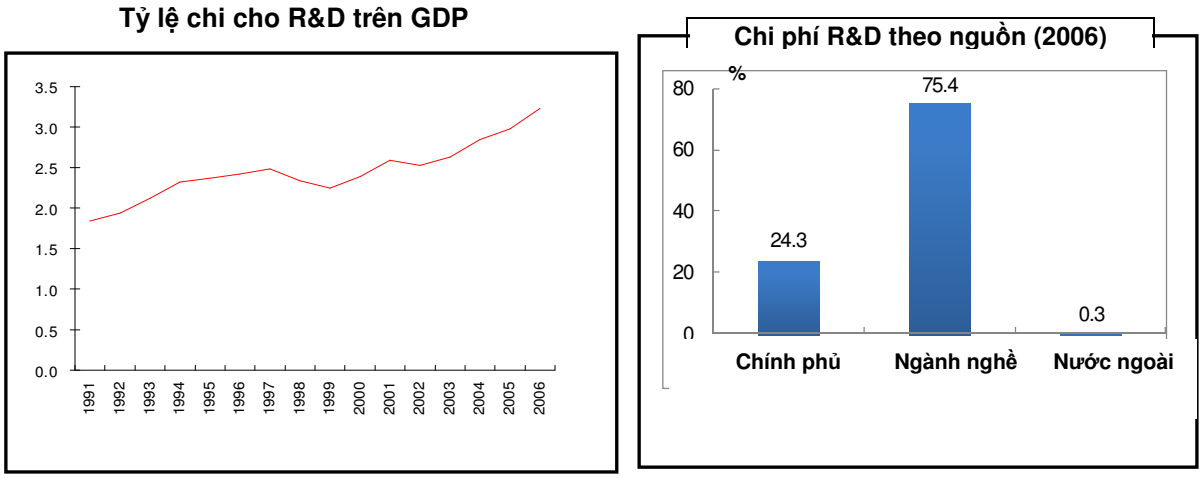

Biểu 3: Chi phí cho R&D phân theo tổ chức (tỷ lệ phần trăm)

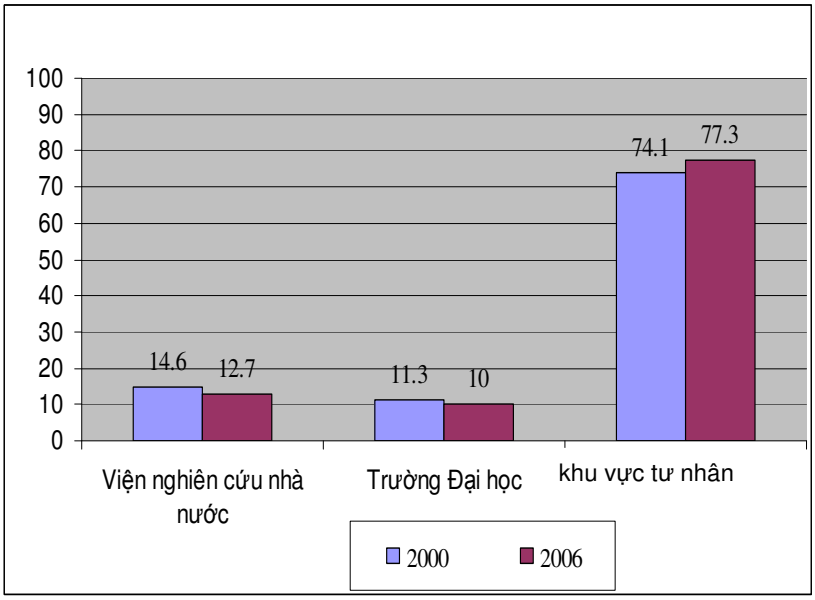

Nguồn: Viện nghiên cứu chính sách công nghiệp Hàn Quốc (KIEP), 2008

Biểu 4: Trình độ của nghiên cứu viên theo loại hình tổ chức

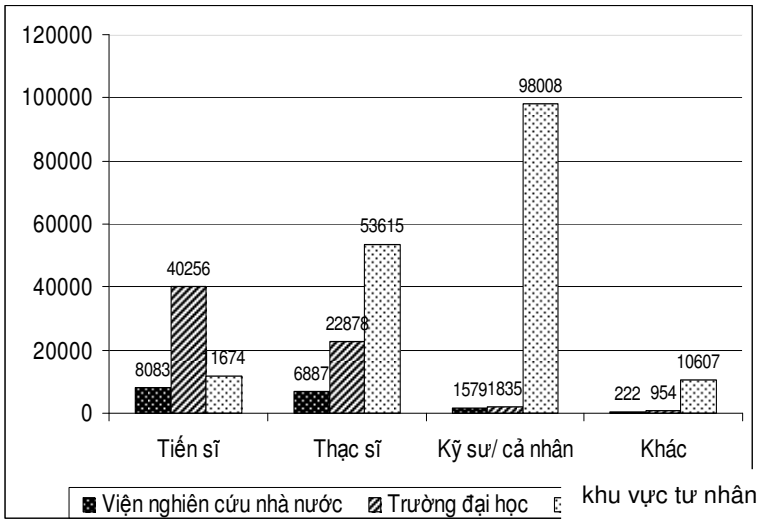

Nguồn: Viện nghiên cứu chính sách công nghiệp Hàn Quốc (KIEP), 2008

3. Một số tồn tại trong chính sách phát triển kinh tế tư nhân ở Hàn Quốc

Bên cạnh những đóng góp rất ý nghĩa đối với quá trình phát triển kinh tế của cả nước, mô hình phát triển kinh tế tư nhân Hàn Quốc cũng đã bộc lộ một số vấn nhất định đề cần lưu ý và khắc phục với những nước đi sau. Thứ nhất, cách quản lý trong giai đoạn đầu buộc các doanh nghiệp phải đầu tư vào những ngành được chỉ định, các thể chế tài chính buộc phải xây dựng các nguồn quỹ luôn sẵn sàng cho đầu tư. Do vậy luôn cần đảm bảo sự tồn tại của những thể chế tài chính này bất chấp thực tế quản lý và quản trị của họ ra sao. Điều này dẫn đến việc có một số tập đoàn tư nhân được hậu thuẫn chính trị đã nhận nhiều ưu tiên đặc quyền hơn những đối tượng khác. Cơ chế phân bổ nguồn lực tài chính như vậy tạo nên hiện tượng chính phủ có quyền tùy ý sử dụng quyền lực để điều khiển thị trường, nhưng khi nền kinh tế lớn mạnh hơn và cần củng cố vai trò tự do của thị trường thì cách tiếp cận này đã bộc lộ nhiều hạn chế. Vì thế, chính phủ đã kìm hãm hiệu quả của nền kinh tế và làm hạn chế tiềm năng tăng trưởng.

Thứ hai, thay vì tối đa hóa lợi nhuận qua cạnh tranh thị trường mở, nhiều công ty tập trung tăng lợi nhuận bằng cách vận động ảnh hưởng chính trị và kinh tế, do đó thường vi phạm và bẻ cong nhiều quy định. Đến đầu năm 1997, nhiều *chaebols* (tập đoàn kinh tế lớn) đã đối mặt với tình hình tài chính làm ăn không có lãi, làm giảm tín nhiệm quốc tế đối với Hàn Quốc và càng khiến khủng hoảng kinh tế trầm trọng hơn với quốc gia này.

Thứ ba, một vấn đề cơ bản khác đó là năng lực cạnh tranh quốc tế của nền kinh tế Hàn Quốc ngày càng giảm sút. Căn nguyên là do tình trạng không có khả năng

trả nợ và phá sản của những công ty lớn song song diễn ra với tình trạng doanh nghiệp làm ăn sa sút, lương tăng và hiệu suất giảm vào cuối những năm 1980.

Các công ty không lưu tâm đến việc thay đổi chiến lược và những yếu tố ngoài giá cả để tăng năng lực cạnh tranh, mà ngược lại, những công ty lớn chỉ tập trung mở rộng quy mô làm ăn để được vay vốn ngân hàng nhiều hơn.

Thứ tư, một trong những vấn đề được coi là nguyên nhân chính dẫn đến cuộc khủng hoảng vào cuối thập niên 1990 dó là chính phủ không xây dựng được một hệ thống kinh tế mới. Cho đến khi xảy ra khủng hoảng, cơ chế độc tài đã tồn tại suốt 30 năm phát triển kinh tế và chính phủ can thiệp quá sâu vào thị trường. Dù chính phủ cũng đã nỗ lực củng cố các chức năng thị trường, nhưng tình trạng đan xen luẩn quẩn giữa chính trị và kinh tế đã kéo theo tác động bất lợi cho cả nền kinh tế.

II. Phát triển kinh tế tư nhân tại các nước đang phát triển

1. Các nước đang phát triển

1.1. Phạm vi vai trò và tác dụng cụ thể

Doanh nghiệp tư nhân tại các nước đang phát triển mặc dù không đủ mạnh, có sức cạnh tranh cao và phát triển lớn mạnh trở thành các tập đoàn kinh tế hàng đầu trên thế giới so với các nước phát triển. Tuy nhiên DN tư nhân ở các nước đang phát triển bao gồm DN siêu nhỏ, nhỏ, vừa hay lớn không những trực tiếp tạo công ăn việc làm cho người lao động, đóng góp tài chính cho chính phủ mà còn lợi ích gián tiếp như các hỗ trợ dịch vụ xã hội, cộng đồng,…

- Xét trên góc độ tạo việc làm khối các DN tư nhân mạnh hơn phía chính phủ và doanh nghiệp nhà nước tại các nền kinh tế đang phát triển và chuyển đổi. Chẳng hạn như tại Mexico, khu vực tư nhân tạo nhiều hơn 12 triệu việc làm từ 1989-1998, khu vực nhà nước chỉ tạo được 143.0000 việc làm, tỷ lệ so sánh giữa khu vực tư nhân gấp 87 lần khu vực nhà nước. Các nước có thu nhập cao hơn thì số lượng việc làm chính thức được tạo ra bởi khối kinh tế tư nhân cao hơn. Ví dụ như số lượng DNNVV tại Đài Loan bình quân giai đoạn 1999-2005 chiếm 97.8% tổng số DN và tạo ra khoảng 77,50 % việc làm. Tại các nước Ấn Độ, Indonesia, Pakistan, Philipin 70% lao động không phải trong lĩnh vực nông nghiệp là lao động phi chính thức. Tạo việc làm còn là con đường cơ bản để thoát khỏi nghèo đói, đặc biệt ở Venezuela; trong những năm kinh tế khủng hoảng 1997-1998, việc làm chủ yếu là được tạo ra bởi các DN tư nhân chiếm 89% trong đó việc làm từ khu vực phi chính thức chiếm 58% và chính thức chiếm 31%, còn khu vực nhà nước chỉ tạo ra có 11%. Ngoài ra DN tư nhân không những đóng góp về việc làm, mà còn tăng thu

nhập cho người lao động, góp phần tăng chất lượng, giảm giá cả sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng, tăng nhu cầu tiêu thụ hàng hóa trong quan hệ với các nhà cung cấp.

- ***Đóng góp tài chính và thuế thu nhập*** được thực hiện bởi khối các DN tư nhân tại các nước đang phát triển qua đó chính phủ sử dụng cho các *dịch vụ xã hội*, để hỗ trợ, khắc phục nghèo đói. Thông qua các thanh toán thuế trực tiếp hay gián tiếp DN tư nhân tạo một sự chia sẻ lớn cho ngân sách quốc gia. Những ngân sách này, thứ tự được chính phủ cấp phát cho y tế, giáo dục, và dịch vụ công cộng khác là cần thiết cho nền tảng cơ bản của sự phát triển lâu dài. DN tư nhân cũng có thể đóng góp *trực tiếp các dịch vụ xã hội*, chẳng hạn đáng chú ý trong các dịch vụ phân phát nước sạch, thoát nước, sức khỏe và giáo dục. (Giữa 1990 và 2001 hơn 750 tỷ đô la mỹ được đầu tư vào 2500 dự án tư nhân trong các nước chuyển đổi và đang phát triển.). Tuy nhiên trong khi tại các nước phát triển các khoản thuế được đóng góp bởi các DN tư nhân tạo ra các khoản kinh phí để hỗ trợ nước ngoài, thì tại các nước nghèo nhất, ở Châu Phi và một vài khu vực khác, cứu trợ nước ngoài đóng vai trò quan trọng, điều này khó có thể tin cậy được và không phải vì vậy mà các nước chậm phát triển không nỗ lực thoát khỏi nghèo đói.

1.2. Thế mạnh và chỗ yếu

a.Thế mạnh

Kinh tế tư nhân có lợi thế về số lượng doanh nghiệp, đa dạng về đặc điểm loại hình doanh nghiệp và phương thức kinh doanh. Đặc biệt tại các nước đang phát triển *đầu tư tư nhân* đóng vai trò chủ đạo trong *tăng trưởng kinh tế*; khu vực kinh tế tư nhân rất linh hoạt, tích cực đổi mới và *hiện thực hóa các ý tưởng*.

- *Đầu tư:* Đầu tư tư nhân là cốt yếu trong hỗ trợ phát triển hạ tầng quốc gia, bao gồm giáo dục, y tế và hệ thống giao thông vận tải,...Trong mục tiêu giảm nghèo tại các nước đang phát triển không thể đơn giản trông cậy bởi các cung cấp hỗ trợ trực tiếp đến yếu tố xã hội; điều này đòi hỏi đầu tư nhà nước và tư nhân. Phần lớn tại các thị trường tài chính mới nổi mức đầu tư khu vực tăng đến 90% các khoản đầu tư địa phương, ngoại trừ các nước Châu Phi, khu vực Shaharan chỉ ở mức 65% (hầu hết DN sản xuất tạo ra doanh thu bằng tiền mặt tại địa phương do đó sẽ lệ thuộc vào tài chính địa phương).

-Sự thịnh vượng của khu vực tư nhân là động lực cho tăng trưởng kinh tế:

Nhiều nghiên cứu đã cho rằng đầu tư tư nhân có nhiều quan hệ với tăng trưởng hơn là đầu tư nhà nước. Một so sánh đầu tư nhà nước và tư nhân từ 1970-1998 ở cả 2 khu vực thu nhập thấp và cao tại các nước đang phát triển đã chỉ ra nước tăng trưởng cao đầu tư tư nhân chiếm 15% GDP, nước tăng trưởng thấp đầu

tư tư nhân chiếm 10% GDP. Nhìn chung, các nước tăng trưởng cao đầu tư tư nhân nhiều hơn 60% các nước tăng trưởng thấp, các nước tăng trưởng thấp đầu tư tư nhân hơn nhà nước khoảng 20%.

-*Hiện thực hóa các ý tưởng:* Thành công của một số nước đang phát triển là mở ra các ý tưởng từ bên ngoài, họ nuôi dưỡng,"cảm thụ" những kiến thức có thể không có nguồn gốc ở môi trường, khu vực của họ. Trên thế giới, doanh nghiệp tư nhân hoạt động thành công thường là do sử dụng các kiến thức đã tiếp thu và tích lũy được một cách hiệu quả. Vai trò của doanh nghiệp tư nhân trong sự tiếp thu kiến thức và đưa nó vào sử dụng là đặc biệt quan trọng; tích lũy từ các thế hệ công nghệ và phổ biến chính thức để phát triển. Trong sự phát triển, sự chia sẻ GDP tài trợ cho nghiên cứu và phát triển tăng lên và các công ty tư nhân đóng góp nhiều tài chính trong đó. Kinh doanh tư nhân mang đến sự đổi mới trong khu vực thị trường ở dạng sản phẩm, dịch vụ và các quá trình mà qua đó mở rộng sự lựa chọn cho người nghèo, tầng lớp trung lưu, cũng như người giầu có.

b. Hạn chế

-*Về tài chính, nguồn vốn*: Tín dụng tư nhân ở các nước thu nhập thấp chiếm 12% GDP, các nước thu nhập trung bình ở mức 25%GDP, các nước trung bình khá là 30% và các nước thu nhập cao đạt đến mức 85%.

Sự khó khăn tiếp cận tài chính tạo gánh nặng cho các doanh nhân ở các nước đang phát triển. Doanh nhân và doanh nghiệp mà hoạt động phi chính thức không thể vay tiền với chi phí thấp được bởi họ không có đăng ký kinh doanh chính thức, không có tư cách pháp nhân hoặc quyền sở hữu đất.Tệ hơn, họ chỉ có 1 kênh duy nhất là tiếp cận với các nguồn tín dụng phi chính thức với lãi suất cao và cũng chỉ có một lượng tài chính nhỏ để phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Sự hỗ trợ kinh doanh cho doanh nghiệp phi chính thức từ những hệ thống hợp pháp là rất giới hạn. Theo Hernando de Soto, 1/3 con nợ mà vay mượn tín dụng phi chính thức ở Ai Cập phải dành thời gian trong các nhà tù bởi họ *không trả lại những gì họ đã vay*. Có thể đây cũng chính là một trong những nét hạn chế đặc trưng trong quan hệ tín dụng tại khu vực phi chính thức của một số nước đang phát triển.

- *Tính cạnh tranh kém***:** Các chỉ số nghiên cứu gần đây cho thấy tăng trưởng kinh tế ở các nước nghèo là được trợ giúp nhiều mức độ tăng trưởng tương xứng trong chia sẻ của các doanh nghiệp nhỏ và vừa chính thức. Tại những nước thu nhập thấp mức độ chia sẻ về công việc của khối DNNVV chính thức chiếm khoảng 30% và khoảng 17% GDP. *Thực tế, những nước giầu ít yếu tố phi chính thức và nhiều DNNVV hơn các nước nghèo***.** Đặc điểm nổi bật là doanh nghiệp phi

chính thức có thể chịu ít gánh nặng hơn DN chính thức, bởi vì họ không phải trả thuế hoặc tuân theo các nghĩa vụ khác. Nhiều DN sản xuất chính thức gặp khó khăn trong việc thu lại thị phần từ các DN phi chính thức để tăng năng lực sản xuất, nhằm đạt được qui mô tối đa, bởi DN chính thức phải trả thuế và các đóng góp khác. Thêm vào đó tại các nước đang phát triển *các DN lớn cũng ít có sức ép cạnh tranh*; lẽ ra DN lớn thuộc dạng trung tâm mạng lưới hay khu vực và bởi năng lực, công dụng, độ lớn và hoạt động sản xuất, kinh doanh, đóng vai trò chỉ dẫn cho yếu tố tư nhân trong hệ thống kinh tế. Nhưng trong một số nước đang phát triển những công ty lớn đã tồn tại có thể kìm hãm động lực điều hành và sáng kiến. Thường xuyên họ có thể tận dụng lợi thế từ điểm yếu môi trường thể chế để xây dựng rào cản đa cạnh tranh và bảo vệ vị trí chi phối của chúng. Trong khi thị trường phi chính thức địa phương có thể thường hoạt động không có qui tắc luật lệ thì thị trường đúng đắn cần các luật lệ để điều chỉnh hiệu quả.

1.3. Quan hệ với khu vực nhà nước

Một môi trường kinh doanh tốt thì DN tư nhân sẽ hoạt động hiệu quả hơn, phát triển kinh tế sẽ bền vững hơn. Chất lượng thể chế và các chính sách kinh tế là 2 yếu tố cơ bản nhà nước xây dựng trong 1 môi trường kinh doanh. Điều này đúng với trường hợp của Belarus, Bulgaria,Colombia, Kazakhstan, Madagascar, Nigeria và Venezuela, theo quan sát tất cả các nước có đầu tư tư nhân yếu. Trong khi, một số nước khu vực doanh nghiệp tư nhân khá sôi động lại không nhận thấy có sự cản trở hoạt động kinh doanh (Brazil, Estonia, Hàn Quốc, Malaysia và Maruitius). Các DN hoạt động trong 1 môi trường kinh doanh cạnh tranh bình đẳng sẽ phát huy được nội lực, mở rộng và phát triển kinh doanh hướng ra thị trường quốc tế. Do được hưởng nhiều đặc quyền trên thị trường nội địa nên các tập đoàn kinh tế của Indonesia, Malaysia, Thái Lan, và Phi-lip-pin có tăng trưởng về mặt quy mô và phạm vi. Tuy nhiên chỉ có một vài tập đoàn thành công trong việc xâm nhập thị trường quốc tế đối với những sản phẩm công nghệ cao. Phần đông trong số chúng tiếp tục phụ thuộc nặng nề vào thị trường trong nước với những sản phẩm có giá trị gia tăng thấp hay phụ thuộc vào những hoạt động đầu cơ tài chính. Việc hình thành nhiều tập đoàn kinh tế có mối liên kết ngang còn tạo ra những nhóm đặc quyền, đặc lợi, mà về sau chính những nhóm đặc quyền đặc lợi này lại quay lại thao túng chính phủ và ngăn cản quá trình tự do hoá, công nghiệp hoá, và nâng cao năng lực cạnh tranh của đất nước. Ở Đài Loan, DN nhà nước giữ vị trí thống trị ở các ngành công nghiệp thượng nguồn như hóa chất, sợi tổng hợp, và đúc kim loại. Trên thực tế, những DNNN này ở Đài Loan cũng phải cạnh tranh để cung cấp các yếu tố sản xuất cho doanh nghiệp tư nhân với mức giá cạnh tranh. Những

DNNN ở Đài Loan được thành lập để khuyến khích xuất khẩu và tăng cường năng lực cạnh tranh cho nền kinh tế (như trong mô hình Đông Á), chứ không phải để tích luỹ vốn trên cơ sở được hưởng độc quyền trên thị trường nội địa (như trong mô hình Đông Nam Á).

Thể chế, chính sách và qui định pháp luật của chính phủ tại các nước đang phát triển đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy DN tư nhân phát triển và nhằm đạt được mục tiêu giảm nghèo. DN tư nhân sẽ đạt hiệu quả hơn trong việc giúp con người thoát khỏi nghèo đói, đó là tiến bộ được thực hiện đối với việc thi hành quy định của pháp luật, giảm chi phí kinh doanh, và thúc đẩy các chính sách kinh tế thuận lợi để phát triển nhanh chóng và sự cởi mở với thế giới bên ngoài. Những chính sách mang hàm ý ưu tiên quyền lợi cho một nhóm này sẽ là không thích hợp cho nhóm khác. Trong vài khu vực- đặc biệt Nam Á, một phần Đông Á và phần lớn Châu Phi nghèo đói chủ yếu là ở khu vực nông nghiệp. Hoặc là giống như chuyển đổi kinh tế ở Châu Âu, phần lớn nghèo đói là ở thành phố. Một số nơi khác thì lại nằm ở giữa 2 khu vực này. Tại nhiều nước đang phát triển doanh nhân nhìn thấy rất ít lợi ích nếu hoạt động theo cách chính thức. Trong khi kinh doanh phi chính thức ở các nước phát triển có thể nâng cao nguồn vốn bởi thế chấp tài sản của họ; điều này thường không thực hiện được trong một số nước đang phát triển nơi mà luật thế chấp còn yếu và ngân hàng tỏ ra không sẵn lòng với những doanh nghiệp nhỏ. Về lý thuyết, trở thành chính thức sẽ dễ dàng kinh doanh với nước ngoài, nhưng cơ sở hạ tầng tại các nước nghèo và việc lạm dụng hải quan đã hạn chế cơ hội. Luật phá sản bảo vệ người chơi hợp pháp ở các nước đã phát triển thường ít hiệu quả trong các nước đang phát triển; công khai doanh nghiệp chính thức đôi khi gây nhiều rủi ro hơn là nếu như giữ nguyên phi chính thức.

Sự hợp tác giữa các DN tư nhân với nhau, giữa DN tư nhân với nhà nước là rất cần thiết, trong nhiều trường hợp sẽ đạt được kết quả rất cao nhưng vấn đề quan trọng là cần phải xác định quyền sở hữu rõ ràng. Sự nỗ lực tư nhân hóa có thể là tăng kiểm tra, giám sát địa phương chẳng hạn như một số chương trình nông nghiệp ở Ấn Độ và một số cung cấp đặc biệt cho người nghèo như vấn đề điện ở Chile. Giảm hạn chế cho các doanh nghiệp siêu nhỏ, đặc biệt các nữ doanh nghiệp siêu nhỏ rõ ràng sẽ có lợi cho người nghèo. Trong lĩnh vực nông nghiệp, từng bước giảm sự bất cập trong sở hữu đất đai và đăng ký đất là xu hướng rất được hoan nghênh. Tư nhân hóa trong *mối quan hệ xây dựng cơ sở hạ tầng* diễn ra ở hầu hết các nước đang phát triển, tạo ra doanh thu hơn 400 tỉ USD trong giai đoạn 1990-2003. Năm 2004, dòng đầu tư cho những dự án cơ sở hạ tầng có sự tham gia của khu vực tư nhân ở các nước đang phát triển đạt 64 tỉ USD. Riêng lĩnh vực

viễn thông, tất cả các khu vực đang phát triển, trừ Châu Phi cận Sahara, đều có tăng trưởng đầu tư. Trong lĩnh vực cung cấp và giảm thất thoát nước Malaysia đã rất thành công bởi việc thực hiện hợp đồng dịch vụ giữa công ty nhà nước với tư nhân giai đoạn 2003-2005. Cơ sở hạ tầng tốt cải thiện thương mại bởi tốc độ vận chuyển hàng hóa và dòng nguyên vật liệu, tăng động lực sản xuất và hỗ trợ thời gian tiếp cận thông tin và truyền thông. Cơ sở hạ tầng yếu kém thường cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh. Sự đảm bảo kết nối truyền thông và công nghệ thông tin đã có ý nghĩa quan trọng, giúp vượt qua rào cản cơ sở hạ tầng yếu kém. Đóng góp, hợp tác xây dựng phát triển hạ tầng kinh tế, xã hội do đó là trách nhiệm cần thiết của cả 2 khu vực nhà nước và tư nhân.

Cuối cùng lợi ích trao quyền của nhà nước cho tư nhân có thể được hiểu là khi mà DN tư nhân, lớn hay nhỏ đều được cho phép phát triển hưng thịnh, sẽ kích thích sáng kiến của nhân dân phát huy tính năng động và tự tin tham gia vào các hoạt động sản xuất kinh doanh. Khi mọi người có thể tham gia vào nền kinh tế bằng việc thành lập hoặc tham gia 1 doanh nghiệp, họ có tiếng nói. DN khi đó có thể mở ra cơ hội và một số cách thức để phát triển và bảo vệ chống lại nạn thất nghiệp hoặc thiếu việc làm chính thức.

2. Các nước đang chuyển đổi (Nga và Đông Âu)

2.1. Phạm vi vai trò và tác dụng cụ thể:

Cũng như nhiều nước chuyển đổi khác, doanh nghiệp Nga được hình thành thông qua quá trình tư nhân hóa các doanh nghiệp nhà nước và hình thành DN mới. Ở Nga, mặc dù tư nhân hóa đã ngấm ngầm từ năm 1985 và chương trình chính thức ồ ạt từ giai đoạn 1992-1994 nhưng ở góc độ nào đó dường như mục tiêu xây dựng và phát triển khu vực kinh tế tư nhân – nhân tố quyết định thành bại của kinh tế thị trường trong các nền kinh tế chuyển đổi chưa phát huy được. Bằng chứng là tại các nước như Hungary, Balan, Cộng Hòa Séc, khu vực kinh tế tư nhân chiếm tới 45-55% lực lượng lao động, trong khi tỷ lệ này ở Nga mới đạt 18%. Chia sẻ người lao động và người tự hành nghề trong tổng số lao động ngoại trừ nông nghiệp tại Đông Âu cũng có sự khác biệt rõ ràng; chẳng hạn mức độ chia sẻ tại Hungary và Ba Lan nhiều gấp 8 lần Ukraina. Mật độ DN bình quân tại 3 nước CH Séc, Hungary, Ba lan cũng cao hơn hẳn các nước còn lại; tỷ lệ DN trên 1000 dân ở Ba Lan, nước có mật độ ít nhất trong 3 nước cũng đã nhiều gấp xấp xỉ 10 lần so với Nga. (Xem bảng dưới)

Bảng 2: Mật độ DN tại các nước đang chuyển đổi

Tên nước	Năm	Tỷ lệ DN trên 1000 dân
CH Séc	1998	139
Hungary	1998	64
Ba Lan	1998	59
Slovakia	1998	56
Slovania	1998	32
Romania	1998	15
Russia	1996	6

Nguồn: *Winiecki 2000 a*

Phạm vi *kinh tế tư nhân mới* (khối các DNNVV), có nhiều thành công tại các nước đang chuyển đổi, điển hình là ở 3 nước nêu trên. Tại 3 nước này kinh tế tư nhân tăng trưởng nhanh chóng trong đầu những năm chuyển đổi. Thậm chí mặc dù phạm vi hoạt động còn nhiều giới hạn, khối kinh tế tư nhân đã phát triển nhanh chóng, đáp ứng nhu cầu thị trường; trong từ 2-3 năm đã tạo ra chia sẻ đáng kể trong tổng sản lượng và GDP. Đóng góp GDP tại 3 nước này tăng từ 20-25% lên đến 40-45% và nhiều hơn nữa trong cuối thời kỳ của thập kỷ chuyển đổi đầu tiên. Có một sự khác biệt tại Ba Lan so với hầu hết các nước XHCN cũ chuyển đổi khác là khối DN tư nhân mới thành lập thì phát triển nhanh và tư nhân hóa chậm. Điều này cũng đã nói lên sự đóng góp của khối tư nhân mới trong tổng sản lượng của tư nhân dường như là hiệu quả động lực trong nền kinh tế chuyển đổi. Phạm vi tư nhân mới ở CH Séc có thể được xây dựng trên những thành phần hỗn hợp, lộn xộn hoặc ở Ba Lan và Hungary thì tự đi lên, cơ sở ban đầu hầu như không có. Nhưng trong vòng 2-3 năm, phạm vi tư nhân mới này đã đạt được nhiều thành tích và cũng đủ lớn để có ảnh hưởng đến tổng sản lượng và sau này càng có ý nghĩa hơn trong tổng sản xuất hàng hóa và dịch vụ.

2.2. Thế mạnh và chỗ yếu

a. Thế mạnh

Một số quan điểm phê phán rằng, chương trình tư nhân hóa ở Nga dưới hình thức tước đoạt tài sản của những người có nhiều quyền lực chính trị đã gây ra tình trạng đầu tư trì trệ và sự tăng trưởng kinh tế thấp. Tuy nhiên những ý kiến khác cho

rằng, thực tế không phải như vậy. Các công ty có nhiều quyền lực chính trị kiểm soát đã hoạt động rất hiệu quả, hơn hẳn các công ty thuộc sở hữu nhà nước. Bằng chứng là, từ năm 1996-2001, lợi nhuận được kiểm toán trước khi đóng thuế của Yokos, Sibneft và Norilsk Nickel tăng lần lượt là 30, 10 và 5 lần cao hơn nhiều so với công ty độc quyền khí đốt Gazprom, hoặc công ty điện dân dụng UES vẫn thuộc quyền sở hữu nhà nước.

Tại Hungary đóng góp trong lĩnh vực năng lượng và viễn thông bởi các tập đoàn đầu tư nước ngoài, và các công ty quốc tế lớn, mà xuất phát điểm ban đầu, các công ty này mua lại được quyền sở hữu với các điều kiện ràng buộc lợi ích từ kế hoạch tư nhân hóa đã được chuẩn bị rất kỹ càng. Chẳng hạn như; trong vòng 2 năm tổng số 650.000 đường điện thoại đã được lắp đặt phục vụ đa số dân chúng, trong khi trước kia để có được 1 đường dây điện thoại, hàng trăm ngàn người dân phải đăng ký và chờ đợi hàng năm trời.

b. Hạn chế

Phạm vi kinh tế tư nhân Nga, do đặc thù là nước đang chuyển đổi nên có những hạn chế đặc trưng, bởi hoàn cảnh lịch sử và quán tính trong quản lý kinh doanh: Sự chuyển đổi trong những năm 1990 ở Nga có gì đó bất ổn, có vẻ vô chính phủ, làm cho đối tác nước ngoài chưa đủ tin cậy. Khu vực kinh tế tư nhân đã tạo ra đến 70% GDP, nhưng lại là khu vực kinh tế tư nhân được hình thành do tư nhân hóa các doanh nghiệp nhà nước là chính chứ không phải là khu vực kinh tế tư nhân được hình thành mới hoàn toàn như trong trường hợp của Hungary, Ba Lan và một số nước Đông Âu khác. Các doanh nghiệp được hình thành do tư nhân hóa tài sản nhà nước thường vẫn dựa trên cung cách quản lý cũ, họ ngại và thực tế khó cạnh tranh ở thị trường nước ngoài. Ngoài ra phạm vi kinh tế tư nhân hình thành mới tại Hungary và một số nước Đông Âu khác nhìn chung cũng có những thế mạnh và chỗ yếu giống như tại các nước đang phát triển.

2.3. Quan hệ với khu vực nhà nước

Một loạt nghiên cứu trước kia về *điều kiện chính sách và môi trường kinh doanh* tại 3 nước CH Séc, Hungary và Ba Lan đã chỉ ra 2 rào cản chính mà DN phải đối mặt. Thứ nhất là gánh nặng về thuế quan và đóng góp bảo hiểm xã hội.(Cao hơn 50%-100% trong mức độ chia sẻ GDP so với các nước Tây Âu phát triển). Thứ hai là có quá nhiều qui định, chính sách, tần suất thay đổi và sự thiếu minh bạch trong chính sách. Do đó sự tinh giảm các chính sách phiền hà, phát huy chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển khối doanh nghiệp tư nhân là điều kiện cần thiết cho tăng trưởng kinh tế. Tại Nga hiện nay mặc dù cơ cấu doanh nghiệp được lựa chọn sẽ là

mô hình công ty lớn, nhưng đồng thời nhà nước Nga cũng vẫn tạo điều kiện thuận lợi cho các DNNVV phát triển thông qua việc giảm gánh nặng thuế khóa, tạo điều kiện thuận lợi về mặt thủ tục đối với việc thành lập các công ty loại này nhằm tạo ra trong nền kinh tế cơ cấu doanh nghiệp hình kim tự tháp, bên trên là số ít công ty lớn có khả năng cạnh tranh cao, bên dưới là đông đảo các công ty nhỏ và vừa. Với tư cách là những tế bào của kinh tế thị trường, các DN Nga, cơ cấu DN Nga được tổ chức sắp xếp như thế là có khả năng thích ứng tốt đối với kinh tế thị trường. Đây sẽ là yếu tố thuận lợi cho tăng trưởng dài hạn ở Nga.

Thực tế, tại CH Séc, thủ tục hải quan đòi hỏi được ý kiến tích cực của quản lý địa phương, lại không cần thiết ở Bulgaria, đặt các doanh nghiệp CH Séc ở thế bất lợi so với Bulgaria. Điều này đúng như phản ánh mức độ thấp của CH Séc trong phạm vi đưa ra qui định, điều lệ. (thứ hạng 51 so với 19). Bù lại các DN của CH Séc lại sớm tiếp cận được với nguồn tài chính ngân hàng và với mức độ tín dụng cao hơn so với Bulgaria. Chi phí đăng ký kinh doanh bình quân tính theo GDP trên đầu người tại các nước Đông Âu cao hơn so với các nước phát triển và thấp hơn các nước Châu Phi (tại 3 nước Đông-Trung Âu; Hungary,Latvia, Ba Lan là 67% GDP Châu Phi 90%, 4 nước phát triển ít hơn 3%). Tuy nhiên qui tắc tự do thành lập và điều hành doanh nghiệp có thể không ảnh hưởng quyết định thành công cho phạm vi kinh tế tư nhân mới. Điều này tạo điều kiện cần thiết nhưng chưa đủ cho điều kiện thành công. Theo Recalling Djankov at al 2000 thì Ukraina có vị trí dễ dàng thuận lợi trong đăng ký thực hiện kinh doanh (23) cao hơn Ba Lan (28-29), Hungary(45), CH Séc (51), nhưng thực tế Ucraina thực hiện kém hơn trong chuyển đổi kinh tế. Ví dụ thực tế 64% DN Ucraina phải trả trung bình 186 USD để đăng ký DN, những quan hệ kinh doanh khác cũng phải trả từ 56-97% chi phí này, tùy thuộc vào qui mô, mức độ kinh doanh. Điều này càng khẳng định quan liêu, tham nhũng, lũng loạn và thanh toán ngầm đã cản trở quá trình chuyển đổi.

Việc tư nhân hóa tại Nga trước kia trong nhiều trường hợp dẫn đến tình trạng phân tán các DN nhà nước làm cho DN mới bị xâu xé, giảm năng lực cạnh tranh. Phương pháp tư nhân hóa (phân phát phiếu tư nhân hóa cho công nhân trong xí nghiệp) gây thất thoát lớn tài sản nhà nước, tạo điều kiện cho các lãnh đạo cũ thâu tóm tài sản nhà nước (bằng cách mua với giá rẻ mạt các phiếu tư nhân hóa) và trở thành những ông chủ mới. Từ năm 2000 đến nay, nhằm khắc phục hậu quả của chuyển đổi và đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế thị trường, chính phủ Nga vẫn luôn tích cực điều tiết nền kinh tế, phương hướng điều tiết vừa có lợi cho sự phát triển kinh tế, lại vừa có lợi cho sự ổn định xã hội, tư nhân hóa với quốc hữu hóa là phương pháp thông thường để Nga điều tiết nền kinh tế thị trường.

Trước cuộc khủng hoảng từ năm 2000 đến năm 2008, do ngân sách liên bang liên tục dư thừa trong nhiều năm, không cần đến số tiền từ doanh thu tư nhân hóa, cho nên quy mô chương trình tư nhân hóa rất nhỏ. Trong khi đó, Nga cũng tiến hành điều tiết kinh tế bằng cách quốc hữu hóa. Như trong năm 2005 – 2007, Công ty dầu mỏ quốc gia Nga Rosneft và Công ty công nghiệp khí đốt Gazprom đã lần lượt thu mua Công ty dầu khí tư nhân Yukos và Công ty dầu mỏ Sibneft, với tổng số tài sản có liên quan là 40 tỷ USD.

Cũng tư nhân hóa ồ ạt giống như Nga nhưng CH Séc lại có những thành công vượt bậc, được ca tụng trong giai đoạn đầu (1992-1995). Tuy nhiên sau này lại thất bại; trong những năm 1997-1999 kinh tế CH Séc suy thoái do thực hiện cải cách kinh tế nhanh và tư nhân hoá ồ ạt, cơ cấu kinh tế không vững chắc, nguồn lực bị phân tán, chuyển đổi kinh tế theo chiều sâu bị hạn chế, chậm thay đổi công nghệ và hiện đại hoá, sản phẩm khó cạnh tranh trên thị trường quốc tế, nhập siêu lớn.

Ngược lại với quá trình tư nhân hóa như tại Nga và CH Séc trong giai đoạn nửa đầu thập kỷ 90, tư nhân hóa tại Hungary, Ba Lan được thực hiện thận trọng có sự chuẩn bị và lựa chọn kỹ càng. Chuyển đổi quyền sở hữu ở Hungary ưu tiên tạo ra những ông chủ thật sự, chủ yếu là tư nhân đã tồn tại trước đó và đang hoạt động đã trở thành các chủ sở hữu, mà họ có thể cai quản thực sự với ban điều hành và có thực quyền cũng như biết ép buộc hoạt động hướng tới lợi nhuận. Điều này cũng thúc đẩy việc tiến hành tái cơ cấu căn bản đã diễn ra trong số đông các xí nghiệp.

III. Kinh nghiệm phát triển kinh tế tư nhân của Trung Quốc

Nhờ chính sách cải cách và mở cửa, khu vực tư nhân Trung Quốc đã phát triển rất mạnh trong 30 năm qua, từ chỗ bị hạn chế hay thậm chí cấm phát triển trở thành một yếu tố cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường. Dù tiến trình phát triển nhanh chóng của khu vực kinh tế tư nhân đã vấp phải rất nhiều trở ngại nhưng sự đi lên này là một xu thế tất yếu. Rõ ràng là việc khai thác mô hình cải cách tương tác hai chiều "từ trên xuống" và "từ dưới lên", kéo theo những tranh luận gay gắt giữa các chuyên gia kinh tế, đóng vai trò quan trọng quyết định trong tiến trình phát triển của thành phần kinh tế này.

Theo các học thuyết truyền thống, một thành phần kinh tế cá thể được xác định là yếu tố kinh tế của chủ nghĩa tư bản tạo ra tư bản. Khu vực tư nhân được đánh giá là thành phần chủ nghĩa tư bản vì tư nhân có nghĩa sản xuất và khai thác bằng cách thuê lao động có sẵn. Vì vậy, trước khi Trung Quốc có chính sách cải cách và mở cửa, khu vực tư nhân của Trung Quốc bị coi như "cái đuôi của chủ nghĩa tư bản" cần phải cắt bỏ. Nhưng trên thực tế, nhất là tại khu vực nông thôn

tụt hậu rộng lớn, "cái đuôi của nền kinh tế tư hữu" này đã không hoàn toàn bị cắt bỏ, như các nhóm tư nhân, cơ sở kinh doanh hộ gia đình hoặc các chợ của tiểu thương, do đòi hỏi cần thiết của thực tế nhưng lại hoạt động mang tính bất hợp pháp. Khi làn gió mở cửa và cải cách thổi vào Trung Quốc, các lực lượng sản xuất nêu trên đã phát triển như nấm sau một thời gian dài bị kìm nén.

1. Vai trò của khu vực tư nhân trong nền kinh tế hiện nay

Khu vực kinh tế tư nhân phát triển hết sức mạnh mẽ sau cải cách. Đến năm 2005, số các đơn vị kinh doanh cá thể đã lên đến 24,64 triệu so với 0,14 triệu vào năm 1978, với tổng số vốn đầu tư là 580,95 tỷ nhân dân tệ và thu hút 49 triệu lao động. Từ cuối những năm 1980, các doanh nghiệp tư nhân tại Trung Quốc không ngừng lớn mạnh với tốc độ hơn 30 %/ năm tính từ năm 1992. Đến cuối năm 2005, đã có 4.3 triệu doanh nghiệp tư nhân, với tổng vốn đăng ký 6.133,11 tỷ NDT, thuê 58,24 triệu lao động. Khu vực ngoài quốc doanh này đã góp phần tạo nên 1/3 GDP và 4.5 số lao động mới trong những năm gần đây. Khu vực cá thể và ngoài quốc doanh cũng đã trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và giải quyết việc làm.

Bảng 5: Cơ cấu các loại hình doanh nghiệp tư nhân và tổng số doanh nghiệp đăng ký tại Trung Quốc (2000 – 2005)

Năm	DNNN và hợp tác xã (nghìn)	DN đầu tư nước ngoài (nghìn)	DN Tư nhân (nghìn)	Tổng số (nghìn)	Tỷ lệ DNTN trong tổng số	Tỷ lệ DNTN trong tổng số vốn đăng
2000	5,351	203	1,762	7,316	24.08	10.63
2001	4,833	202	2,029	7,063	28.73	13.05
2002	4,445	208	2,435	7,088	34.35	20.68
2003	4,124	226	3,006	7,356	40.87	18.69
2004	3,798	242	3,651	7,691	47.47	22.56
2005	3,491	260	4,301	8,057	53.38	26.33

Biểu 6: Tỷ lệ giá trị gia tăng của khu vực kinh tế tư nhân Trung Quốc

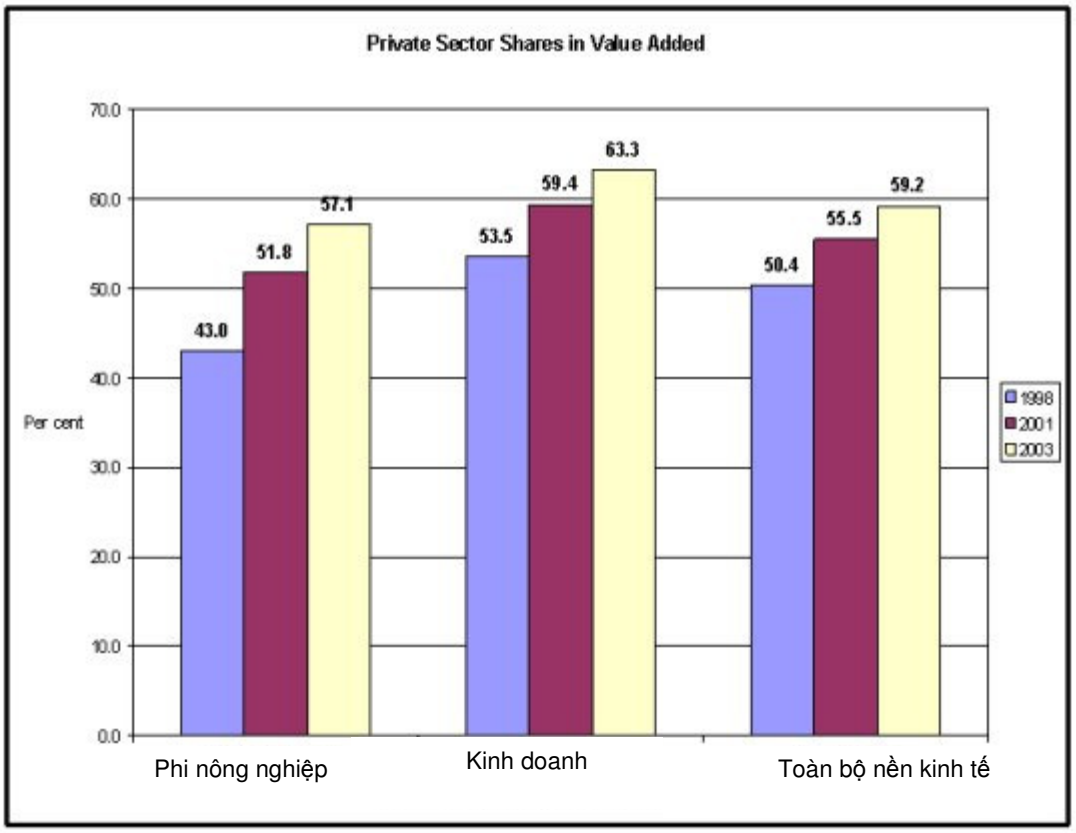

2. Những hạn chế đối với khu vực tư nhân: Tiếp cận thị trường và cạnh tranh lành mạnh

Thực tế hiện nay khu vực kinh tế tư nhân Trung Quốc còn đối mặt với nhiều hạn chế về nguồn lực tài chính, con người và thể chế hỗ trợ phát triển, v.v. Trong đó đáng chú ý là những hạn chế về khả năng tiếp cận thị trường và cạnh tranh lành mạnh để thành phần kinh tế tư nhân được đứng trên một sân chơi bình đẳng với những thành phần kinh tế khác. Nghiên cứu do Uỷ ban kế hoạch và phát triển nhà nước tiến hành cho thấy đến năm 2004, thành phần kinh tế tư nhân Trung Quốc vẫn gặp nhiều cản trở trong tiếp cận thị trường đối với gần 30 ngành nghề. Tại một tỉnh được chọn trong nghiên cứu, các công ty nhà nước có thể gia nhập 80 ngành nghề, công ty do nước ngoài sở hữu có thể tham gia hơn 60 ngành nghề, trong khi vốn tư nhân chỉ tiếp cận được với khoảng 40 ngành nghề. Chính quyền địa phương tại đây đã từ chối đến 56% số đơn xin vay nợ của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong khi hơn 70% trong tổng số các khoản vay ngân hàng được cấp cho các doanh nghiệp nhà nước. Tuy vậy, khu vực tư nhân chỉ chiếm 30% lượng vốn hỗ trợ lại chiếm 50% đóng góp vào GDP và 70% số cơ hội việc làm. Như

vậy, vấn đề tiếp cận thị trường và cạnh tranh lành mạnh mà khu vực kinh tế ngoài nhà nước của Trung Quốc đang phải đối mặt rất cần được giải quyết.

Biểu 7: Cơ cấu các hình thức đầu tư

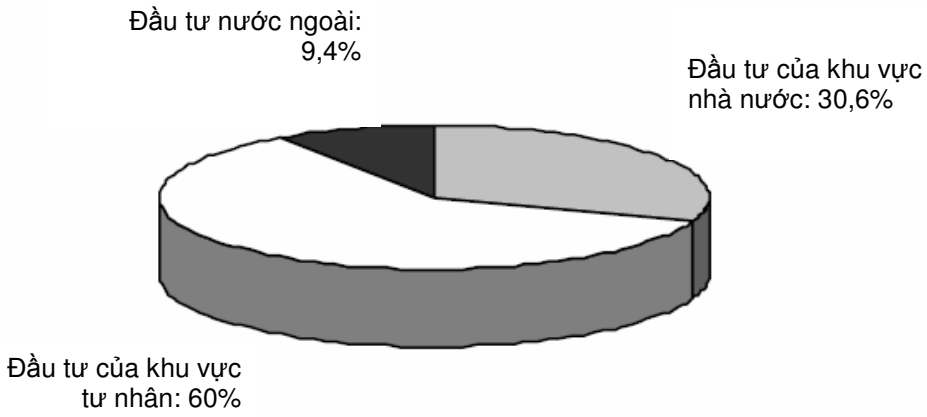

Trước tình hình này, ngày 24/2/2005, Hội đồng nhà nước Trung Quốc đã đưa ra một số ý nhằm khuyến khích, hỗ trợ và thúc đẩy sự phát triển của các thành phần kinh tế cá thể, tư nhân và ngoài nhà nước. Những khuyến nghị này tập trung vào bảy lĩnh vực chính: nới lỏng những hạn chế tiếp cận thị trường đối với khu vực ngoài nhà nước, tăng cường hỗ trợ tài khoá, thuế, và tài chính cho khu vực ngoài nhà nước; cải thiện các dịch vụ xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp và người lao động thuộc khu vực tư nhân; tích cực đưa ra những hướng dẫn và các chính sách khuyến khích sự phát triển của khu vực này. Trong bảy nội dung này, tổng số 36 quy định đã được đặt ra, do vậy văn kiện này thường được gọi là "khu vực tư nhân 36". Việc ban hành văn bản này cũng đã thu hút rất nhiều cuộc thảo luận và ý kiến của các chuyên gia. Đáng chú ý, giới chức thuộc Uỷ ban phát triển và cải cách quốc gia cho rằng thúc đẩy sự tăng trưởng của khu vực tư nhân không có nghĩa là các doanh nghiệp tư nhân được khuyến khích, hỗ trợ và phát triển hoàn toàn độc lập, mà nên được xem xét trong bối cảnh hoàn thiện hệ thống kinh tế thị trường XHCN. Ví dụ như, để vốn ngoài quốc doanh được tiếp cận với những lĩnh vực độc quyền thì một mặt cần điều chỉnh những tiêu chí và điều kiện liên quan, và mặt khác cần cải cách hệ thống để đảm bảo đạt được tiến trình này. Thêm vào đó, việc sửa đổi luật và những văn bản pháp luật về tiếp cận thị trường của vốn tư nhân và mở rộng sự phát triển của khu vực tư nhân sang một số lĩnh vực khác cũng là một quá trình hết sức phức tạp và cần nhận

được ý kiến phản biện của nhiều thành phần trong xã hội. Do đó, việc thúc đẩy sự phát triển của khu vực tư nhân vẫn còn là một quá trình khó khăn kéo dài.

3. Chính sách hỗ trợ phát triển khu vực tư nhân

Nhân tố chính sách luôn đóng vai trò quyết định đối với sự phát triển kinh tế tư nhân ở Trung Quốc. Do vậy, trên cơ sở quan điểm coi kinh tế ngoài quốc doanh là bộ phận hợp thành của nền kinh tế thị trường XHCN của Đại hội XV Đảng Cộng sản Trung Quốc, trong HIến pháp sửa đổi tại kỳ họp thứ hai quốc hội khoá IX năm 1999 đã khẳng định: "Nhà nước bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của kinh tế cá thể và kinh tế tư doanh". Tại kỳ họp này, "Luật doanh nghiệp 100% vốn cá nhân" đã được thông qua, chính thức có hiệu lực từ 1-1-2000. Gần đây hơn, Hội nghị toàn thể lần thứ 5 của Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Trung Quốc họp trong tháng 10-2000 đã nhìn nhận tầm quan trọng của kinh tế tư nhân trong kế hoạch 5 năm lần thứ 10 (2001-2005) và cam kết hỗ trợ, khuyến khích hướng dẫn sự phát triển lành mạnh của các doanh nghiệp thuộc khu vực này.

Sau khi Nhà nước xác định vị trí cần có của kinh tế tư nhân, người ta thấy môi trường mới, thuận lợi cho sự phát triển kinh tế tư nhân ở Trung Quốc đang hình thành.

Một là, Nhà nước Trung Quốc đang từng bước thực hiện chính sách phá bỏ hàng rào hạn chế ngành nghề, giải quyết những khó khăn trong việc vay vốn, giảm những hạn chế trong việc đầu tư trực tiếp trên thị trường vốn đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh trong đó bao gồm kinh tế tư nhân, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tư nhân tham gia vào cải cách doanh nghiệp Nhà nước, đảm bảo môi trường cạnh tranh bình đẳng.

Hai là, nhiều quyết sách kinh tế lớn đang được Nhà nước tập trung đẩy mạnh đều mở ra địa bàn hoạt động phong phú cho các doanh nghiệp tư nhân. Trước hết phải nói đến việc Trung ương đẩy nhanh thực hiện Quyết định ngành nghề hoá khoa học kỹ thuật, khuyến khích phát triển các doanh nghiệp khoa học kỹ thuật tư nhân, thúc đẩy các doanh nghiệp tư nhân chuyển sang mô hình khoa học kỹ thuật. Việc này không chỉ thúc đẩy phát triển nhanh thành phần kinh tế tư nhân mà còn thúc đẩy kinh tế tư nhân điều chỉnh, nâng cấp cơ cấu. Thứ đến là quyết sách đẩy mạnh cải cách doanh nghiệp Nhà nước, điều chỉnh chiến lược cục diện kinh tế quốc doanh của hội nghị Trung ương 4 khoá XV. Sự điều chỉnh mang tính chiến lược này tất yếu sẽ mở ra một không gian rộng lớn cho sự phát triển các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, trong đó có kinh tế tư nhân.

Chiến lược phát triển miền Tây bắt đầu khởi động cũng được xem như một quyết sách kinh tế lớn, tạo không gian phát triển rộng lớn cho các loại hình sở hữu tư nhân, cá thể ở các tỉnh miền Tây, đồng thời cũng mang lại cơ hội cho các doanh nghiệp tư nhân ở các miền khác hướng về đây cùng phát triển.

Ba là, điều kiện phát triển của chính thành phần kinh tế tư nhân ở Trung Quốc đến nay đã chín muồi. Theo Trương Hậu Nghĩa, nghiên cứu viên Viện Xã hội học thuộc Viện Hàn lâm khoa học xã hội Trung Quốc thì sang đầu thế kỷ XXI có 4 nhân tố chủ yếu thúc đẩy thành phần kinh tế tư nhân phát triển mạnh. Một là, chính quyền địa phương sẽ ngày càng coi trọng việc phát triển kinh tế ngoài quốc doanh, hai là các doanh nghiệp cá thể - đội hậu bị của kinh tế tư nhân phát triển nhanh, quy mô ngày càng mở rộng, sẽ đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân, ba là, trong kinh tế thị trường, tiền đề cơ bản của doanh nghiệp tư nhân sẽ được tăng cường, đó là tiền vốn được tích lũy và lực lượng lao động học tập và dư thừa, bốn là sự chuyển đổi cơ chế kinh doanh của các doanh nghiệp Nhà nước và xí nghiệp hương trấn.

Mặc dù môi trường vĩ mô đang ngày càng được cải thiện theo hướng có lợi cho sự phát triển kinh tế tư nhân, một số vấn đề cản trở cho sự phát triển kinh tế tư nhân đã dần dần được giải quyết. Nhưng theo các nhà nghiên cứu, để có sự phát triển lành mạnh và liên tục của kinh tế tư nhân, Trung Quốc cần phải giải quyết một loạt vấn đề sau đây:

Thứ nhất, tiếp tục giải quyết những khó khăn trong việc huy động vốn của kinh tế tư nhân. Nói chung, chính quyền các cấp đã sử dụng nhiều biện pháp giúp doanh nghiệp tư nhân vay vốn thuận lợi hơn, nhưng vấn đề này vẫn chưa được giải quyết một cách triệt để trên phương diện thể chế và cơ chế. Đã đến lúc phải phát triển cơ chế tài chính thuộc nhiều loại hình sở hữu khác nhau, và tính đến các chính sách cho phép doanh nghiệp tư nhân đủ điều kiện có thể phát hành chứng khoán, trái phiếu, và tham gia vào thị trường tài chính trong và ngoài nước.

Thứ hai, cần có biện pháp ngăn chặn kịp thời "ba loạn" - thu phí loạn, phạt loạn, buôn bán loạn đang hoành hành hiện nay. Hiện tượng các cơ quan quản lý coi kinh tế tư nhân như miếng mồi béo bở, tuỳ tiện thu lệ phí và phạt còn khá phổ biến. Theo điều tra sơ bộ của các cơ quan có thẩm quyền của tỉnh Quảng Đông, các doanh nghiệp tư nhân phải chịu từ 30 đến 40 lệ phí, tổng số lệ phí phải nộp thường gấp 3 đến 5 lần số thuế phải đóng.

Thứ ba, cần có biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản hợp pháp của tư nhân. Mặc dù hiến pháp đã sửa đổi ghi rõ Nhà nước bảo vệ lợi ích hợp pháp của kinh

tế tư nhân, song chính sách và luật pháp cụ thể vẫn chưa chặt chẽ trong việc bảo vệ hữu hiệu tài sản hợp pháp của tư nhân. Hơn nữa, việc chấp hành luật pháp không nghiêm, do vậy khi bị xâm phạm hoặc xảy ra tranh chấp, quyền lợi của tư nhân thường chưa được pháp luật bảo vệ hữu hiệu. Điều này vẫn ảnh hưởng không nhỏ đến tính tích cực của kinh tế tư nhân.

Thứ tư, đẩy mạnh cải cách hành chính để cơ quan Chính phủ các cấp phục vụ có hiệu quả, không gây phiền hà, nhiễu sách các doanh nghiệp tư nhân như hiện nay. Về vấn đề này, giám đốc Trung tâm nghiên cứu tình hình Trung Quốc Hồ Yên Cương đề xuất, Chính phủ cần làm tốt vai trò người lãnh đạo và vai trò người phục vụ, người thúc đẩy, trong đó vai trò quan trọng nhất và dễ bị xem nhẹ nhất là vai trò người phục vụ. Chính phủ cần phải cung cấp nhiều dịch vụ hơn để duy trì sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp tư nhân.

Thứ năm, phải khắc phục tình trạng quản lý thiếu quy phạm của các doanh nghiệp tư nhân. Theo kết quả điều tra doanh nghiệp tư nhân trong cả nước lần thứ ba, hầu hết các doanh nghiệp tư nhân quản lý theo chế độ gia tộc: 50,5% bạn đời của các chủ doanh nghiệp làm công tác quản lý doanh nghiệp, 9,8% phụ trách việc mua bán, 20,3% con cái làm quản lý doanh nghiệp, 13,8% phụ trách mua bán. Do vậy có tới 10% số doanh nghiệp được điều tra không có bất kỳ một văn bản điều lệ hoặc quy chế nào.

Thứ sáu, làm thế nào nâng cao trình độ quản lý của chủ doanh nghiệp tư nhân. Vì theo điều tra, trình độ văn hoá của nhà đầu tư chính hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân thấp: 0,3% mù chữ, 6,4% tốt nghiệp tiểu học, 31,4% tốt nghiệp cơ sở (trung học cơ sở), 41,7% tốt nghiệp cao trung (trung học phổ thông), 19,5% tốt nghiệp cao đẳng hoặc đại học, 0,7% trên đại học. Do hạn chế về trình độ văn hoá, có tới 40 % chủ doanh nghiệp không thể đọc được các bản báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

Thứ bảy, làm thế nào ngăn chặn được các hành vi chộp giật trong kinh doanh tư nhân như làm hàng giả, trốn lậu thuế, gây ô nhiễm môi trường, gây mất trật tự an ninh v..v.. đang có khuynh hướng gia tăng.

Thứ tám, làm thế nào thay đổi được quan niệm xã hội không đúng về kinh tế tư nhân, coi những cái thuộc về "tư nhân"đều không tốt - một quan niệm đã ăn sâu vào xã hội Trung Quốc.

4. Xu hướng phát triển của khu vực kinh tế tư nhân Trung Quốc

Theo các nhà nghiên cứu, thời gian gần đây đã có sự chững lại của nền kinh tế tư nhân do một số doanh nghiệp tư nhân không thích ứng kịp với nhu cầu

ngày càng cao của thị trường, do nhân tố chính sách, và một số vùng, một số ngành vẫn còn tâm lý kỳ thị kinh tế tư nhân. Tuy nhiên, sự đào thải và phát triển của khu vực kinh tế tư nhân là một xu thế tất yếu trong nền kinh tế thị trường. Qua quan sát và phân tích quá trình phát triển của khu vực tư nhân trong nền kinh tế thời gian vừa qua, có thể rút ra được một số xu hướng sau:

Thứ nhất, tốc độ tăng trưởng của khu vực kinh tế tư nhân Trung Quốc sẽ tiếp tục cao hơn tốc độ tăng trưởng GDP của cả nước, và tỷ lệ đóng góp của khu vực này cũng sẽ tiếp tục tăng cao. Có thế thấy rõ xu hướng này qua số liệu của Cục thống kê quốc gia. Năm 2000, khu vực tư nhân trong nước chiếm khoảng 42,8% GDP, với 12,6% đóng góp của khu vực đầu tư nước ngoài, trong đó có đầu tư của Hồng Kông, Macao, và Đài Loan, tổng đóng góp của khu vực này là 55%. Đến năm 2005, tỷ lệ đóng góp vào GDP của khu vực tư nhân trong nước là 49,7%, đóng góp của đầu tư nước ngoài và Hồng Kông, Macao, Đài Loan là 15-16%, nâng tổng đóng góp vào GDP lên 65%. Về đầu tư trong những năm gần đây, đầu tư của khu vực tư nhân cũng đã tăng 18,1%.

Xu hướng thứ hai là số doanh nghiệp tư nhân tăng nhanh, nhất là các tổng công ty và những công ty niêm yết. Cùng với việc mở rộng tài sản của các doanh nghiệp tư nhân, cơ cấu doanh nghiệp tư nhân cũng đa dạng hơn, từ khi các doanh nghiệp kinh doanh cá thể và hộ gia đình chiếm đa số lên những tập đoàn hoặc tổng công ty cổ phần. Theo một khảo sát về doanh nghiệp tư nhân Trung Quốc do Hiệp hội công nghiệp và thương mại quốc gia tiến hành năm 2007, trong 10 năm trở lại đây, tỷ lệ những doanh nghiệp cá thể trong tổng số doanh nghiệp tư nhân đã giảm từ 63,8% xuống 22,5%, và tỷ lệ các công ty trách nhiệm hữu hạn tăng từ 16,5 lên 62,9%.

Thứ ba, cơ cấu quản trị ngày càng chuẩn hoá và vững vàng nhờ liên tục hoàn thiện cơ cấu và chất lượng nhân lực. Trong số các doanh nghiệp tư nhân, phong cách quản lý gia đình trị kết hợp ngày càng nhiều với cách quản lý dựa vào chuyên gia. Kết cấu quản trị cũng ngày càng tân tiến, hợp lý và hiện đại hơn. Càng ngày, các doanh nghiệp tư nhân thu hút càng nhiều lao động chuyên nghiệp và có trình độ kỹ thuật cao, chất lượng quản lý và nhân sự cũng được tăng cường.

Thứ tư, cơ cấu công nghiệp của khu vực tư nhân đang tiến tới tối ưu hoá, mở rộng sang các ngành công nghiệp nặng, hoá chất và lĩnh vực hạ tầng. Trình độ công nghệ không ngừng nâng cao, chất lượng sản phẩm ngày càng được cải thiện. Các doanh nghiệp tư nhân vẫn giữ vai trò chi phối trong ngành thương mại dệt may và các ngành thâm dụng lao động khác. Do những hạn chế với tiếp cận thị trường được nới lỏng, thị phần của khu vực kinh tế tư nhân trong các ngành công nghiệp nặng, hoá chất và hạ tầng cũng sẽ tăng. Đồng thời, năng lực đổi mới của

doanh nghiệp cũng liên tục được cải thiện, và hy vọng sẽ tạo ra nhiều công nghệ và sản phẩm đủ tiêu chuẩn để đăng ký quyền sở hữu trí tuệ.

Thứ năm, doanh nghiệp tư nhân ngày càng gánh vác nhiều trách nhiệm xã hội và giữ vai trò ngày càng tích cực hơn trong xây dựng phúc lợi xã hội và dịch vụ công, quan trọng nhất là doanh nghiệp tư nhân góp phần quan trọng tạo nên "xã hội hài hoà".

B. KHU VỰC KINH TẾ TƯ NHÂN Ở VIỆT NAM

I. Chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về khu vực kinh tế tư nhân từ khi bắt đầu đổi mới đến nay.

Khu vực kinh tế tư nhân là nhân tố quyết định cho sự phát triển kinh tế, đóng vai trò quan trọng trên bình diện xã hội chính trị, góp phần hình thành một xã hội công dân, qua đó, người dân có được vị thế kinh tế xã hội độc lập hơn và có điều kiện phát huy khả năng trong môi trường cạnh tranh lành mạnh. Tại các quốc gia có nền kinh tế phát triển bền vững, khu vực kinh tế tư nhân là nguồn lực của sức mạnh kinh tế, vốn tri thức, là niềm tự hào của dân tộc. Tại Việt Nam, khu vực kinh tế tư nhân đã trải qua nhiều biến động trong suốt hai thập niên qua. Kể từ khi nhà nước từ bỏ vai trò độc quyền hoạt động kinh tế và công nhận thành phần kinh tế tư nhân, khu vực này không ngừng lớn mạnh. Có thể nói, sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân cùng với chính sách mở cửa mậu dịch đã trở thành nhân tố chính dẫn đến sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế Việt Nam.

Bước ngoặt cơ bản là từ Đại hội lần thứ VI của Đảng (12-1986). Sau khi phê phán "những biểu hiện nóng vội muốn xóa bỏ ngay các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, nhanh chóng biến kinh tế tư bản tư nhân thành quốc doanh", mắc bệnh "chủ quan, duy ý chí, giản đơn hóa", "chưa thật sự thừa nhận những quy luật của sản xuất hàng hóa đang tồn tại khách quan", Đại hội khẳng định đường lối đổi mới, chỉ rõ "nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ", chỉ rõ sáu thành phần kinh tế: kinh tế quốc doanh; kinh tế tập thể; kinh tế gia đình; kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa; kinh tế tư bản tư nhân; kinh tế tư bản nhà nước. Đảng ta chủ trương: *"Xây dựng và phát triển nền kinh tế hàng hóa định hướng XHCN với cơ cấu nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế tham gia. Trong đó kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo và cùng với kinh tế tập thể tạo thành nền tảng của nền kinh tế nước nhà: kinh tế tư nhân bao gồm kinh tế cá thể, tiểu chủ và tư bản tư nhân là bộ phận quan trọng cấu thành nền kinh tế thị trường định hướng XHCN"*.

Khái niệm "kinh tế tư nhân" được chính thức sử dụng từ Hội nghị lần thứ 6 của Trung ương Khóa VI (tháng 3-1989). Nghị quyết chỉ rõ: "trong điều kiện của nước ta, các hình thức kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân) vẫn cần thiết lâu dài cho nền kinh tế và nằm trong cơ cấu của nền kinh tế hàng hóa đi lên chủ nghĩa xã hội".

Về mặt quy định pháp lý, việc ban hành Luật Công ty và Luật DNTN (năm 1990) đã đặt cơ sở pháp lý đầu tiên cho việc hình thành và phát triển các DNTN với các loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và DNTN.

Đại hội lần thứ VII của Đảng (6-1991) quy định "Kinh tế tư nhân được phát triển, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất, theo sự quản lý, hướng dẫn của Nhà nước, trong đó, kinh tế cá thể và tiểu chủ có phạm vi hoạt động tương đối rộng ở những nơi chưa có điều kiện tổ chức kinh tế tập thể, hướng kinh tế tư bản tư nhân phát triển theo con đường tư bản nhà nước dưới nhiều hình thức".

Đại hội lần thứ VIII của Đảng (6-1996) quyết định "kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế hợp tác xã dần dần trở thành nền tảng. Tạo điều kiện kinh tế và pháp lý thuận lợi để các nhà kinh doanh tư nhân yên tâm đầu tư làm ăn lâu dài".

Đại hội lần thứ IX của Đảng (4-2001) khẳng định " Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc". Đại hội quyết định "Khuyến khích phát triển kinh tế tư bản tư nhân rộng rãi trong những ngành, nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm. Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi về chính sách, pháp lý để kinh tế tư nhân phát triển trên những định hướng ưu tiên cùa Nhà nước, kể cả đầu tư ra nước ngoài; khuyến khích chuyển thành doanh nghiệp cổ phần, bán cổ phần cho người lao động , liên doanh, liên kết với nhau, với kinh tế tập thể và kinh tế nhà nước. Xây dựng quan hệ tốt giữa chủ doanh nghiệp và người lao động".

Bước chuyển biến mới về tư duy đối với kinh tế tư nhân được thể hiện rõ trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 của Trung ương Khóa IX (3-2002). Theo Nghị quyết, "Kinh tế tư nhân là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Phát triển kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài trong phát triển kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa".

Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, nhận thức của Đảng về vị trí, vai trò của các thành phần kinh tế, đặc biệt là kinh tế tư nhân đã có sự thay đổi căn bản so với trước đây. Tại Đại hội X, Đảng khẳng định rằng, *"Kinh tế tư nhân có*

vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế". Việc đổi mới nhận thức về vị trí và vai trò của kinh tế tư nhân như trên thể hiện sự đánh giá một cách khách quan và khoa học hơn về khu vực kinh tế này.

Trong quá trình phát triển Đảng và Nhà nước đã xác định, kinh tế tư nhân là thành phần kinh tế tồn tại lâu dài, bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt đối xử, quan hệ với các thành phần kinh tế khác trong cơ chế thị trường bằng hợp tác và cạnh tranh lành mạnh, được tự do đầu tư hoạt động kinh doanh theo pháp luật, không bị giới hạn về quy mô, địa bàn, trình độ công nghệ, được Nhà nước tạo điều kiện và khuyến khích phát triển trong lĩnh vực sản xuất có lợi cho quốc kế dân sinh mà pháp luật không cấm để làm giàu chính đáng cho mình và cho đất nước. Đảng và Nhà nước luôn coi *"Kinh tế tư nhân là một bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Phát triển kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài trong chiến lược phát triển kinh tế nhiều thành phần định hướng XHCN"*.

Từ quan điểm đó, Đảng và Chính phủ đã có nhiều chính sách lớn nhằm hỗ trợ cho khu vực kinh tế tư nhân phát triển. Các ngành, các địa phương thực hiện nhất quán chính sách đối với kinh tế tư nhân, tạo lập môi trường và điều kiện thuận lợi, an toàn, tin cậy, hấp dẫn để thu hút các nguồn đầu tư của kinh tế tư nhân (cả trong và ngoài nước) để có thể thúc đẩy phát triển sản xuất, CNH, HĐH, tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội theo phương hướng và mục tiêu xác định. Các chính sách nhằm thúc đẩy sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân, tập trung vào vấn đề sau:

- Chính sách và giải pháp hỗ trợ về tài chính nhằm tăng cường khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng và huy động các nguồn lực hỗ trợ tài chính cho khu vực kinh tế tư nhân. Theo đó, Chính phủ điều chỉnh chính sách tiền tệ để kiểm soát hoạt động tín dụng theo hướng tập trung phục vụ các nhu cầu vốn đối với các lĩnh vực sản xuất, xuất khẩu. Chính phủ cũng đã xem xét việc thành lập Quỹ phát triển, Quỹ bảo lãnh tín dụng,… Các Chính sách này của Chính phủ đã có tác động tích cực và thiết thực đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của khu vực kinh tế tư nhân, góp phần giúp khu vực này vượt qua được giai đoạn khó khăn, duy trì sản xuất, bảo đảm việc làm cho người lao động.

- Ban hành các nhóm giải pháp nhằm hỗ trợ về mặt bằng sản xuất. Trong thời gian qua, Chính phủ đã tiến hành rà soát, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, công khai diện tích đất, tổ chức giải phóng mặt bằng nhằm tạo quỹ đất cho các khu vực kinh tế tư nhân thuê hoạc dánh quỹ đất để xây các cụm, khu công nghiệp,... tạo thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Chính phủ đẩy mạnh cải cách hành chính[1] tạo thuận lợi cho khu vực kinh tế tư nhân về các mặt như thủ tục đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế, và các thủ tục có liên quan theo hướng "một cửa liên thông" đảm bảo về mặt thời gian và tiết kiệm chi phí.

- Chính sách hỗ trợ về khoa học công nghệ, hỗ trợ thay đổi, cải tiến, HĐH trang thiết bị sản xuất. Chiến lược phát triển Khoa học và Công nghệ Việt Nam đến năm 2010 của Chính phủ đã xác định: "Hỗ trợ khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu vực tiểu thủ công nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, sức cạnh tranh của sản phẩm, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và mở rộng xuất khẩu. Trong thời gian qua, Quốc hội cũng đã thông qua nhiều đạo luật quan trọng trong lĩnh vực khoa học công nghệ như: Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Chuyển giao Công nghệ, Luật Sở hữu Trí Tuệ, Luật Công nghệ cao,… Chính phủ cũng đã dành nhiều ưu đãi cho các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân tham gia đầu tư vào hoạt động khoa học công nghệ như: ưu đãi về tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, ưu đãi về tiếp cận vốn tín dụng,…

- Chính sách và biện pháp nhằm nâng cao trình độ nguồn nhân lực. Chính phủ thương xuyên rà soát, bổ sung quy hoạch mạng lưới các cơ sở dạy nghề đáp ứng nhu cầu lao động có tay nghề cho khu vực kinh tế tư nhân….

Có thể nói, các quan điểm và chính sách của Đảng và Chính phủ được thay đổi một cách linh hoạt, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội từng giai đoạn đã có tác động tích cực tới sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân. Thực tế cho thấy, kinh tế tư nhân ngày càng chứng tỏ vai trò của nó, trở thành một khu vực kinh tế năng động để các khu vực kinh tế khác phấn đấu vươn lên, tự đổi mới, tự hoàn thiện và nâng cao hiệu quả trong nền kinh tế thị trường. Sự phát triển của kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là sản phẩm gắn liền với chủ trương đúng đắn của Đảng về phát triển nền kinh tế nhiều thành phần. Những thành tựu kinh tế quan trọng đạt được qua 20 năm đổi mới đất nước là bằng chứng sinh động, xác nhận một cách thuyết phục sự khởi sắc của nền kinh tế nói chung và triển vọng tiềm tàng của kinh tế tư nhân nói riêng. Bởi vậy, có thể nói, đối với nước ta, phát triển kinh tế tư nhân là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, lâu dài trong tiến trình xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã

[1] Chính phủ, các Bộ, ngành, các cấp đang đẩy mạnh thực hiện Đề án Đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý Nhà nước giai đoạn 2007 – 2010 (Gọi tắt là Đề án 30). Cho đến nay, theo báo cáo giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về cải cách thủ tục hành chính , thời gian qua các bộ ngành, địa phương đã đơn giản hóa được 30% thủ tục hành chính. Trong tổng số 5.421 thủ tục hành chính được rà soát, đã bãi bỏ 480 thủ tục hành chính, thay thế 192 thủ tục hành chính, sửa đổi bổ sung trên 4.000 thủ tục hành chính.

hội chủ nghĩa. Đây có thể coi là một trong những nhiệm vụ quan trọng của công cuộc đổi mới của đất nước trong những năm sắp tới.

II. Sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam.

1. Những thành tựu và nguyên nhân

Những tư duy ngày một sáng tỏ về kinh tế tư nhân kể trên đã và đang phát huy tác dụng tích cực trong thực tiễn. Khu vực kinh tế tư nhân bùng nổ mạnh mẽ và ngày càng giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế thị trường, cũng như trong hội nhập kinh tế quốc tế. Sự biến đổi của quan hệ sở hữu khiến quan hệ quản lý và phân phối cũng thay đổi, do vậy, quan hệ sản xuất trở nên linh hoạt và phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất vốn còn thấp và phát triển không đều giữa các vùng, ngành trong cả nước. Nhờ vậy, đã khơi dậy và phát huy được tiềm năng về vốn, đất đai, lao động, kinh nghiệm sản xuất của các tầng lớp nhân dân vào công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Chính vì những lý do đó, chúng ta có thể khẳng định rằng, sự phát triển của kinh tế tư nhân đã đóng góp quan trọng vào việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế quốc dân.

Sự phát triển của kinh tế tư nhân đóng góp quan trọng vào sự phát triển chung của toàn bộ nền kinh tế, được thể hiện trên các mặt sau: huy động được nhiều nguồn vốn đầu tư với số lượng lớn vào sản xuất kinh doanh; tạo ra nhiều của cải hàng hóa cho xã hội; đóng góp vào ngân sách nhà nước,;góp phần nâng cao sức sản xuất của xã hội; tạo thêm nhiều việc làm mới vừa làm tăng của cải vật chất cho xã hội, vừa làm giảm áp lực giải quyết việc làm cho người lao động; thúc đẩy sự hình thành và phát triển các loại thị trường; làm tăng sức cạnh tranh của hàng hoá sản xuất trong nước; tạo ra sự cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế trong hoạt động sản xuất và kinh doanh; vừagóp phần tạo nên tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, vừa tham gia giải quyết nhiều vấn đề xã hội; tạo động lực và môi trường cạnh tranh sống động, linh hoạt, sáng tạo cho sự phát triển; góp phần thúc đẩy quá trình CNH, HĐH các ngành sản xuất và thực hiện đường lối "chủ động hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế".

Các thành tựu cơ bản của sự phát triển kinh tế tư nhân được thể hiện trên một số mặt chủ yếu sau:

1.1. Đóng góp vào tăng trưởng kinh tế quốc dân.

Những năm gần đây, kinh tế tư nhân đã có bước phát triển, đóng góp ngày càng nhiều cho công cuộc xây dựng đất nước. Tại Hội nghị sơ kết tình hình thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 của Ban Chấp hành trung ương Đảng (Khóa IX) về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát

triển kinh tế tư nhân do Văn phòng Trung ương Đảng tổ chức tại Hà Nội ngày 6/4/2010 đã khẳng định: những năm gần đây, kinh tế tư nhân phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng, có vai trò và vị trí ngày càng tăng, góp phần quan trọng vào sự nghiệp CNH, HĐH, hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế xã hội đất nước; đóng góp gần 50% GDP, giải quyết việc làm cho trên 70% lao động xã hội, trên 11% tổng thu ngân sách nhà nước, tạo ra một khối lượng lớn sản phẩm hàng hóa, dịch vụ,... Chỉ tính riêng trong giai đoạn 2000-2008, vốn đăng ký của DNTN đã đạt 2.110 tỷ đồng, lớn hơn cả vốn FDI cùng kỳ; vốn đăng ký bình quân tăng 61,5%. Đó là chưa kể hết số vốn của gần 4 triệu hộ kinh doanh cá thể, trong đó có khá nhiều hộ có quy mô vốn và lao động lớn nhưng do nhiều nguyên nhân đã không đăng ký lập doanh nghiệp.

Bảng 4: GDP theo giá thực tế phân theo thành phần kinh tế

Đơn vị tính: Tỷ đồng

	2005	2006	2007	2008	2009
Tổng số	**839.211**	**974.266**	**1.143.715**	**1.485.038**	**1.658.389**
Kinh tế Nhà nước	322.241	364.250	410.883	527.732	582.674
Kinh tế tập thể -	57.193	63.622	71.059	84.025	90.410
Kinh tế tư nhân (Kinh tế tư nhân + kinh tế cá thể)	325.611	380.937	456.373	599.629	681.278
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	134.166	165.456	205.400	273.652	304.027

Nguồn: Niên giám thống kê 2009

Như vậy có thể nói, cục diện mới của kinh tế tư nhân đã mở ra. Kinh tế tư nhân tăng nhanh, góp phần quan trọng trong GDP cũng như trong đầu tư phát triển và đang vững vàng trong cạnh tranh, hội nhập. Tỷ trọng đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân trong GDP tăng lên liên tục trong những năm gần đây, trong khi đó tỷ trọng đóng góp của khu vực kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, khu vực kinh tế có vốn nước ngoài đang có xu hướng chững lại hoặc giảm xuống. Đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân cao hơn so với các khu vực kinh tế khác của cả nước. Năm 2009, kinh tế tư nhân (bao gồm kinh tế cá thể và kinh tế tư nhân) chiếm 41,09% GDP; khu vực kinh tế nhà nước 35,13%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 18,33%; khu vực kinh tế tập thể chiếm 5,45%.

Bảng 5: Cơ cấu GDP theo giá thực tế phân theo thành phần kinh tế

Đơn vị tính: %

	2005	2006	2007	2008	2009
Tổng số	**100,00**	**100,00**	**100,00**	**100,00**	**100,00**
Kinh tế Nhà nước	38.4	37.39	35.93	35.54	35.13
Kinh tế tập thể	6.81	6.53	6.21	5.66	5.45
Kinh tế tư nhân (Kinh tế tư nhân và Kinh tế cá thể)	38.8	39.1	39.9	40.37	41.09
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	15.99	16.98	17.96	18.43	18.33

Nguồn: Niên giám thống kê 2009

Hiện nay, số lượng DNTN[2], hộ kinh doanh cá thể công thương nghiệp và dich vụ, trang trại, số hộ nông dân sản xuất hàng hóa tiếp tục tăng nhanh, tạo ra sinh khí mới năng động, sáng tạo trước nay chưa từng có cho nền kinh tế. Trong nhiều ngành kinh tế, kinh tế tư nhân đang giữ vị trí chủ yếu trong sản xuất và xuất khẩu, như gạo, hải sản, chè, cà phê, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ gỗ,... với hiệu quả cao rõ rệt. Một tầng lớp xã hội mới, doanh nhân, đã bắt đầu hình thành, được xã hội công nhận và tôn vinh là "chiến sĩ xung kích thời bình".

Điều đáng lưu ý là, khu vực kinh tế tư nhân hoạt động có hiệu quả hơn so với các khu vực kinh tế còn lại. Trong khi DNNN cần 436,54 triệu VNĐ vốn chủ sở hữu để tạo ra một chỗ làm, thì các doanh nghiệp thuộc khu vực đầu tư nước ngoài chỉ cần 249,4 triệu VNĐ để tạo ra 1 việc làm, và DNTN chỉ càn đầu tư 224,1 triệu VNĐ đề tạo ra một việc làm.

Trong khi đó, Báo cáo của Trung tâm Thông tin và Dự báo kinh tế - xã hội quốc gia cho hay, doanh thu sản xuất thuần được tạo ra bởi 1 đồng vốn tại DNNN thấp. Trong năm 2006 cứ 1 đồng vốn tại DNNN tạo ra được 0,61 VNĐ doanh thu, chưa bằng một nửa của DN tư nhân trong nước, chỉ bằng 2/3 DN có vốn đầu tư nước ngoài. Lực lượng lao động do DNNN sử dụng chỉ bằng khoảng 28,4% tổng số lao động của các DN trong khi đó DN tư nhân thu hút 50%, DN có vốn đầu tư nước ngoài thu hút 21,4%.

[2] Số lượng doanh nghiệp đăng ký tăng nhanh, năm 2009 số DNTN là 415.000 doanh nghiệp

Mặt khác, chỉ số ICOR của khu vực kinh tế tư nhân thấp hơn so với khu vực kinh tế khác. Năm 2007, ICOR của khu vực kinh tế tư nhân là 3,74 thấp hơn rất nhiều so với khu vực kinh tế nhà nước (8,28) và khu vực đầu tư nước ngoài (4,99).

1.2. Huy động nguồn vốn trong xã hội cho đầu tư phát triển

Nguồn vốn cho đầu tư phát triển từ khu vực kinh tế tư nhân đã được huy động tăng liên tục trong những năm qua (Bảng 6).

Bảng 6: Tổng vốn đầu tư toàn xã hội theo thành phần kinh tế

Năm	Tổng số (Tỷ đồng)	Kinh tế Nhà nước		Kinh tế ngoài nhà nước		Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	
		Vốn (Tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	Vốn (Tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	Vốn (Tỷ đồng)	Cơ cấu (%)
2006	404,712	185,102	45.74	154,006	38.05	65,604	16.21
2007	532,093	197,989	37.21	204,705	38.47	129,399	24.32
2008	616,735	209,031	33.89	217,034	35.19	190,670	30.92
2009	708,826	287,534	40.56	240,109	33.87	181,183	25.56

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Trong những năm gần đây, vốn đầu tư từ khu vực ngoài nhà nước trong đó chủ yếu là từ khu vực kinh tế tư nhân (kinh tế tư nhân và hộ cá thể) chiếm tỷ trọng lớn trong tổng vốn đầu tư xã hội. Từ năm 2006 – 2009, lượng vốn đầu tư của khu vực này đạt 815.854 tỷ đồng, chiếm 36,06% tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

Như vậy, từ khi có chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần của Đảng, đặc biệt trong những năm gần đây, mặc dù có những bước thăng trầm nhất định nhưng khu vực kinh tế tư nhân đã từng bước khẳng định được vị trí, vai trò của mình trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Kinh tế tư nhân ngày càng có những đóng góp quan trọng vào mức tăng trưởng chung của nền kinh tế, đặc biệt đóng góp vào sự năng động của nền kinh tế, giải quyết việc làm cho đông đảo người lao động, góp phần xóa đói giảm nghèo.

1.3. Kinh tế tư nhân góp phần thúc đẩy sản xuất và đóng góp vào ngân sách nhà nước và địa phương

Khu vực kinh tế tư nhân có mặt rộng khắp các vùng trong cả nước, hoạt động ở hầu hết các ngành kinh tế, tạo ra lượng sản phẩm lớn, đa dạng, phong phú, đáp

ứng một phần cơ bản đời sống của các tầng lớp nhân dân. Những năm qua chính sự phát triển của kinh tế tư nhân đã góp phần quyết định trong việc cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của các vùng dân cư và toàn xã hội, đồng thời góp phần không nhỏ và ngày càng tăng vào nguồn thu ngân sách nhà nước và GDP. Ngoài ra các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân còn đóng góp lớn vào các phong trào ủng hộ xây dựng các công trình công cộng như đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, ủng hộ các hoạt động mang tính xã hội, xóa đói giảm nghèo,… ở các địa phương.

1.4. Khu vực kinh tế tư nhân tạo ra sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất, thực hiện dân chủ hóa kinh tế, kích thích và thúc đẩy sản xuất phát triển

Khu vực kinh tế tư nhân phát triển đa dạng về hình thức sở hữu, về quản lý và về phân phối nên tạo ra sự phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất ở các ngành, các lĩnh vực sản xuất, từ đó tạo ra khả năng huy động rộng rãi tiềm năng nguồn lực, động lực trong toàn xã hội để đẩy mạnh sản xuất, tạo ra nhiều của cải làm giàu cho mình và cho đất nước (khắc phục tình trạng trì trệ trong nền kinh tế tập trung, bao cấp trước đây).

Các loại hình tổ chức của kinh tế tư nhân được tự do phát triển, Nhà nước tạo điều kiện và khuyến khích đầu tư sản xuất kinh doanh, được luật pháp bảo hộ và là biểu hiện của dân chủ hóa đời sống kinh tế trong xã hội nước ta. Từ đó nó khơi dậy và phát huy tính năng động, nhạy bén, cần cù, sáng tạo của quần chúng nhân dân trong lao động và sản xuất, thúc đẩy nền kinh tế hàng hóa phát triển, góp phần to lớn và sự nghiệp CNH, HĐH và mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại. Mặt khác trong quá trình dân chủ hóa đời sống kinh tế được mở rộng nói trên sẽ tác động và đòi hỏi sự cải thiến về tổ chức quản lý Nhà nước theo hướng hiện đại, văn minh, tiến bộ, cũng như thúc đẩy, nâng cao đời sống văn hóa, dân trí và tình thần trong toàn xã hội.

1.5. Kinh tế tư nhân phát triển góp phần tích cực vào sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hợp lý, hiệu quả, hiện đại.

Ưu thế nổi trội của khu vực kinh tế tư nhân là năng động, nhạy bén, linh hoạt, nắm bắt và đáp ứng nhanh nhạy nhu cầu của thị trường để tìm kiếm hiệu quả, lợi nhuận. Do vậy, họ luôn tìm kiếm, phát hiện ngành, lĩnh vực, mặt hàng mà xã hội đang thiếu, đang cần, đầu tư sản xuất, đồng thời không ngừng cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm để có ưu thế trong cạnh tranh và thu được nhiều lợi nhuận, từ đó thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hợp lý, ngày càng hiện đại.

Ở nước ta hiện nay, kinh tế tư nhân chiếm tuyệt đại bộ phận của ngành nông – lâm nghiệp, thủy sản cũng như kinh tế nông thôn. Sự phát triển của kinh tế tư nhân ở đây như: phân vùng chuyên canh, ứng dụng công nghệ sinh học, cơ giới hóa sản xuất, phát triển công nghiệp chế biến nông sản, điện khí hóa nông thôn, mở rộng các ngành nghề… Từ đó, tỷ trọng ngành nông, lâm, ngư nghiệp trong các ngành tuy giảm và tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ tăng, đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH nền kinh tế.

Đồng thời với sự phát triển của kinh tế tư nhân thúc đẩy sản xuất nông phẩm, hàng hóa, mở rộng thị trường nội địa và quốc tế, thực hiện thủy lợi hóa và xây dựng đường giao thông nông thôn, phát triển thông tin liên lạc, các khu vực thương mại, dịch vụ, vui chơi giải trí,… từ đó làm thay đổi bộ mặt văn hóa nông thôn theo hướng văn minh hiện đại. Đó cũng chính là góp phần to lớn vào việc thực hiện đường lối CNH nông nghiệp, HĐH nông thôn trong giai đoạn hiện nay.

1.6. Giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động và phát triển nguồn nhân lực

Khu vực kinh tế tư nhân phát triển khắp các vùng của đất nước tạo khả năng to lớn trong giải quyết việc làm và đời sống của người lao động. Theo số liệu thống kê, năm 2009, khu vực kinh tế tư nhân cung cấp việc làm cho 85% số lao động. Số lượng lao động làm việc trong khu vực nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chỉ chiếm lần lượt là 11,5% và 3,4% tổng số lao động của Việt Nam.

Trên thị trường lao động, hàng năm, Việt Nam có khoảng 1,5 – 1,7 triệu người gia nhập. Nhưng các khu vực kinh tế nhà nước cũng chỉ cung cấp chưa tới 7% tổng số việc làm, do đó, sự phát triển khu vực kinh tế tư nhân là khả năng duy nhất để giải quyết công ăn việc làm cho người dân và mở lối ra cho lao động dôi dư ở khu vực nông nghiệp.

Nông, lâm, ngư nghiệp phát triển chủ yếu là do kinh tế tư nhân sẽ giải phóng lực lượng lao động chuyển sang các ngành nghề khác trong công nghiệp, dịch vụ, từ đó hình thành dần có cấu lao động hợp lý giữa các vùng, các ngành, theo hướng hiện đại, hiệu quả, góp phần thực hiện mục tiêu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp.

Trong cơ chế cạnh tranh thị trường, để nâng cao chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh doanh, kinh tế tư nhân (hiện sử dụng đại bộ phận lực lượng lao động) phải tìm mọi cách: tuyển chọn, bồi dưỡng, đào tạo,… nâng cao trình độ, năng lực, tay nghề của người lao động, cũng như bố trí sử dụng hợp lý, khoa học,… Từ đó,

góp phần to lớn vào sự phát triển lực lượng lao động xã hội, đáp ứng yêu cầu kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế, CNH, HĐH đất nước.

1.7. Mở rộng quan hệ đối ngoại

Sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân tạo ra khối lượng lớn về hàng xuất khẩu, đồng thời mở rộng khả năng và là đối tác thu hút các nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, nhập về máy móc, thiết bị, công nghệ tiên tiến... qua đó tạo tiền đề khai thác, tận dụng các tiềm năng, nguồn lực rộng lớn trong nhân dân cho phát triển sản xuất, góp phần HĐH nền kinh tế, và mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại.

Thực hiện đường lối và mục tiêu về mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, tham gia ngày càng sâu rộng và đầy đủ vào các tổ chức kinh tế thế giới WTO, AFTA, APEC,... của Đàng và Nhà nước đề ra không thể thiếu sự đóng góp ngày càng to lớn của các DNTN. Thực tiễn đang chứng tỏ năng lực và sức vươn lên mạnh mẽ của khu vực kinh tế tư nhân trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại bằng sự nhạy bén, linh hoạt, sáng tạo, sẵn sàng bứt phá, chấp nhận rủi ro trong cơ chế thị trường... để tìm kiếm hiệu quả, lợi nhuận, trong sản xuất kinh doanh của mình.

Sự xuất hiện ngày càng nhiều chủ thể sản xuất, kinh doanh thuộc khu vực kinh tế này trong tất cả các lĩnh vực, các ngành sản xuất, kinh doanh đã đẩy lùi dần tình trạng độc quyền, làm cho sản xuất hàng hoá phát triển, thị trường được mở rộng, các quy luật kinh tế thị trường phát huy được tác dụng đẩy lùi cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp vốn đã ăn sâu trong tiềm thức xã hội. Thông qua việc phát triển kinh tế tư nhân mà quyền làm chủ của nhân dân, trước hết là quyền làm chủ về kinh tế được phát huy.

Sở dĩ khu vực kinh tế tư nhân đạt được những thành tích đáng kể nói trên là do các nguyên nhân chính sau:

Một là, sự thay đổi về nhận thức của Đảng và Chính phủ về phát triển kinh tế tư nhân. Từ đó có những chính sách, biện pháp tích cực nhằm phát triển khu vực kinh tế này. Đặc biệt, với việc thi hành Luật Doanh nghiệp và hàng loạt các biện pháp cải cách khác, môi trường kinh doanh ở nước ta trong mấy năm gần đây đã có những cải thiện quan trọng theo hướng mở rộng quyền tự do kinh doanh của người dân trên nguyên tắc doanh nghiệp và người dân được tự do kinh doanh tất cả những lĩnh vực mà luật pháp không cấm, khuyến khích người dân làm ăn, kinh doanh làm giàu cho mình và cho đất nước, khuyến khích mọi doanh nghiệp tham gia các ngành xuất khẩu, chú trọng hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa... Chính trong môi trường đó, khu vực kinh tế tư nhân và đặc biệt là DNTN đã nhanh

chóng phát triển cả về số lượng và chất lượng, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội của đất nước trên các mặt: tạo công ăn việc làm, tăng vốn đầu tư phát triển, mở rộng xuất khẩu, thúc đẩy tăng trưởng các ngành kinh tế công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, thúc đẩy phát triển các thị trường, đổi mới kinh tế và hành chính...

Hai là, khu vực kinh tế tư nhân phát triển mạnh do sự hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, khởi đầu từ khi chúng ta đổi mới, và đặc biệt phát triển từ giữa thập kỷ 1990, khi nước ta lần lượt tham gia ASEAN, ASEM, APEC, WTO,… và không ngừng mở rộng quan hệ song phương với các nước khác trên thế giới. Thị trường các nước mở rộng dần cho các sản phẩm của Việt Nam đã tạo cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam, trong đó có khu vực kinh tế tư nhân phát triển sản xuất, kinh doanh các sản phẩm của mình trên các thị trường khu vực và quốc tế. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh thị trường trong nước còn hạn hẹp do tình trạng nước nghèo, mức thu nhập và khả năng tiêu dùng còn thấp, các doanh nghiệp rất thiếu "đầu ra". Các quan hệ thương mại và đầu tư rộng mở cũng tạo ra cho doanh nghiệp cơ hội có các đối tác làm ăn, cơ hội học hỏi kinh nghiệm quản lý, tiếp thu công nghệ của họ, đào tạo nguồn nhân lực cho mình và trưởng thành dần qua hợp tác và cạnh tranh.

2. Một số khó khăn và thách thức đối với việc phá triển khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam

Nhìn chung khu vực kinh tế tư nhân đã và đang có vai trò ngày càng quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, trên tất cả các ngành, lĩnh vực sản xuất kinh doanh, kinh tế và văn hóa trong nước và quốc tế. Tuy nhiên, những kết quả, thành tựu đạt được vừa qua của kinh tế tư nhân là chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới. Khu vực kinh tế tư nhân vẫn còn tồn tại nhiều yếu kém cần phải khắc phục sớm, cụ thể:

Một là, môi trường kinh doanh tại Việt Nam còn nhiều khó khăn và thiếu bình đẳng. Tình trạng này kéo dài đã lâu nhưng chậm được khắc phục, khiến cho môi trường kinh doanh luôn là thách thức lớn nằm ngoài khả năng kiểm soát của doanh nghiệp. Có thể nói môi trường kinh doanh là trở ngại lớn nhất của khu vực kinh tế tư nhân nói chung và DNTN nói riêng được thể hiện ở các điểm sau:

- Luật và thi thành Luật liên quan đến phát triển khu vực kinh tế tư nhân vẫn là những rào cản lớn. Hiện có nhiều văn bản pháp lý quy định về lĩnh vực này nhưng quá trình thực hiện lại không theo một hướng thống nhất, gây ra nhiều tranh cãi giữa các cơ quan quản lý và doanh nghiệp. Tệ trạng giấy phép con cũng

là một trở lực khác đối với các DNTN, là một minh chứng của tính cục bộ và sự tùy tiền trong thực thi các chính sách pháp luật. Trong thực tế, các văn bản pháp luật vẫn còn nhiều quy định phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp thuộc kinh tế Nhà nước với DNTN. thiếu thông tin và thiếu sự rõ ràng, minh bạch trong các chính sách của Nhà nước đối xử giữa các thành phần kinh tế. Thiếu khuôn khổ pháp lý về quyền sử dụng đất; chưa có sự khuyến khích đầu tư vào các ngành, các vùng khó khăn; khả năng tiếp cận với thị trường nước ngoài để mua nguyên liệu đầu vào và bán sản phẩm đầu ra.

- Việc gia nhập thị trường tuy đã được cải thiện nhiều, nhưng vẫn đòi hỏi chi phí cao về tiền của và thời gian. Do vậy, vẫn còn có khó khăn cho nhiều người, nhiều vùng khi muốn lập thêm doanh nghiệp mới. Ngoài ra, quyền kinh doanh của khu vực tư nhân trong một số lĩnh vực còn bị hạn chế, hoặc do các quy định về điều kiện kinh doanh hoặc do quy hoạch ngành, vùng ở một số nơi, hoặc do các rào cản thực tế khác.

- Những rào cản lớn về pháp lý và hành chính trong quá trình hoạt động của khu vực kinh tế tư nhân còn nhiều. Hệ thống luật pháp và chính sách của nước ta còn những nhược điểm: thiếu minh bạch, thiếu nhất quán, thiếu ổn định, khó tiên liệu; tổ chức thực thi lại kém. Hệ thống hành chính của ta kém hiệu quả, với tình trạng can thiệp hành chính vào hoạt động của doanh nghiệp phổ biến và kéo dài. Sự yếu kém, nhũng nhiễu của không ít công chức đã làm vô hiệu hóa những chính sách tốt và cam kết cải cách của Nhà nước. Nhiều vướng mắc của doanh nghiệp trong lĩnh vực thanh tra, kiểm tra, thuế, phí, hải quan, đất đai... kéo dài đã lâu nhưng rất chậm được giải quyết. Đó là những vấn đề chung của mọi loại hình kinh tế ở nước ta, nhưng đối với khu vực kinh tế tư nhân, những vấn đề này còn nặng nề hơn do sự phân biệt đối xử vẫn tồn tại trên thực tế.

- Chi phí kinh doanh ở nước ta khá cao so với các nước trong khu vực, khiến cho khu vực kinh tế tư nhân khó có thể giảm giá thành để nâng cao năng lực cạnh tranh. Đồng thời chi phí cao cũng hạn chế khả năng sinh lời, làm giảm động lực và nguồn lực trong kinh doanh, cản trở nhiều người đi vào hoạt động thương trường hoặc tích lũy thêm vốn cho đầu tư mới.

So với các nước trong khu vực, chi phí kinh doanh ở nước ta cao về nhiều mặt. Các dịch vụ hạ tầng như đất đai, nhà xưởng, điện, thông tin liên lạc, giao thông vận tải... đều có mức giá cao, chất lượng dịch vụ lại thấp, khiến cho chi phí thực tế đối với DN càng lớn. Chi phí vốn cao về lãi suất, phí tiếp cận, lại khó vay trung hạn, dài hạn nên thêm đắt đỏ cho các DN cần vốn để đầu tư. Chi phí hành chính, chi cho các dịch vụ cần thiết, nhiều khoản chi không được tính vào giá

thành để trừ thuế... càng làm tăng chi phí thực tế của DN. Những nguyên nhân cơ bản của tình trạng chi phí kinh doanh cao ở nước ta như quản lý yếu kém, độc quyền kinh doanh của một số DNNN trong một số lĩnh vực... chậm được khắc phục, nên tình trạng này kéo dài và trở thành gánh nặng lớn đối với khu vực kinh tế tư nhân.

- Thiếu hệ thống dịch vụ và tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp. Hệ thống dịch vụ phát triển kinh doanh, hệ thống tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp rất cần thiết đối với khu vực kinh tế tư nhân, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các doanh nghiệp phi hình thức. ở nước ta, cả 2 hệ thống này đều chưa được phát triển, vừa thiếu, vừa yếu, vừa kém về chất lượng.

Hai là, bản thân khu vực kinh tế tư nhân và các DNTN nhìn chung còn nhỏ bé, yếu kém,… Đại đa số các DNTN có mức vốn thấp. Vốn điều lệ trung bình của các DNTN tăng chậm (từ mức 1,29 tỷ VNĐ năm 2001 lên 11,16 tỷ VNĐ năm 2008). Trong các DNTN chỉ có 1,44% số doanh nghiệp có vốn đăng ký từ 200 tỷ VNĐ trở lên, và chỉ có 0,57% doanh nghiệp có số vốn đăng ký từ 500 tỷ VNĐ trở lên. Trừ một số doanh nghiệp vừa và lớn co công nghệ sản xuất khá hiện đại, còn lại hầu hết là công nghệ lạc hậu, sản xuất thủ công, bán cơ khí và cơ khí không có khả năng cạnh tranh trên thị trường. Dẫn đến tình trạng kinh doanh không ổn đinh, không cố định lâu dài.

Tuy trong thời gian qua, khu vực kinh tế tư nhân đã đạt tốc độ phát triển nhanh trên một số lĩnh vực, nhưng nếu tính tới hàm lượng tăng trưởng, khu vực kinh tế tư nhân khó sánh được với DNNN, còn tính cả về hàm lượng và chất lượng, họ khó sánh được với khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, nhất là trong phát triển công nghiệp và các lĩnh vực đòi hỏi nguồn vốn lớn. Do vậy, khu vực kinh tế tư nhân vừa khó cạnh tranh, vừa khó là đối tác bình đẳng với DNNN, doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp các nước khác. Cho tới nay, số DNTN trưởng thành, đạt quy mô kinh tế hiệu quả còn chiếm tỷ lệ rất thấp ở nước ta. Ngay trong số DNTN đã trưởng thành cũng không ít doanh nghiệp đang lúng túng về chiến lược và nguồn lực để tiếp tục phát triển trong thời gian tới.

Ba là, ý chí kinh doanh, tâm lý đầu tư của các chủ doanh nghiệp còn thấp. Hiện nay, các nhà đầu tư chưa mạnh dạn đầu tư. Mặt khác, trình độ của các chủ doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế tư nhân chưa được đào tạo một cách có hệ thống nên trình độ của các chủ doanh nghiệp, đội ngũ quản lý còn thấp. Điều này đã hạn chế trong việc ra quyết định của các chủ đầu tư do tâm lý còn lo sợ rủi ro nên không mạnh dạn đầu tư. Đầu tư của khu vực kinh tế tư nhân mới tập trung vào các lĩnh vực thâm dụng vốn. thâm dụng lao động cao, công nghệ thấp và giá

trị gia tăng nhỏ. Các doanh nghiệp trong các lĩnh vực này chiếm 74,85% số DNTN và chiếm 86,2% tổng số lao động của khu vực DNTN. Số lượng doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực được đánh giá là cần phải sử dụng công nghệ cao hơn, sử dụng nhiều chất xám, hoặc sử dụng nhiều vốn như tài chính, ngân hàng, giáo dục đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ,… nhỏ, chỉ chiếm khoảng 19,5% doanh nghiệp và chỉ thu hút được 12,7% số lao động.

Chỉ có 6,33% các doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực hậu cần: vận tải, bến bãi, thông tin liên lạc, dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp. 0.46% doanh nghiệp thực hiện đầu tư vào lĩnh vực đào tạo, giáo dục; lĩnh vực ý tế chiếm 0.22%, lĩnh vực khoa học chỉ chiếm 0.03%.

Bốn là, Cần vạch rõ và loại bỏ một loạt các cản trở từ phía các ngân hàng, tổ chức tín dụng,…khu vực kinh tế tư nhân hiện nay đang rất thiếu vốn để duy trì và mở rộng sản xuất kinh doanh. Hầu hết các DNTN phải vay vốn ở thị trường không chính thức với lãi suất cao và thời gian vay vốn ngắn, rất khó tiếp cận được các nguồn vốn tín dụng của các Ngân hàng thương mại hoặc các tổ chức tín dụng, nhất là các nguồn vốn ưu đãi của Nhà nước. Nguyên nhân chủ yếu là do tín dụng bị hạn chế, lãi suất quá cao, thời gian đáo hạn ngắn,… Bên cạnh đó, hầu hết các DNTN đều không có tài sản thế chấp; quy mô doanh nghiệp không cho phép niêm yết trên thị trường chứng khoán; những khó khăn trong vấn đề sở hữu đất đai, …

Những thủ tục vay vốn của ngân hàng đặt ra như tài sản thế chấp, kinh doanh liên tục có lãi, bảng tổng kết tài sản, thậm chí phải có kiểm toán hoặc muốn vay phải có dự án,… đã trở thành rào cản trong việc tiếp cận tín dụng của DNTN; Các ngân hàng chưa hề có một chính sách tín dụng riêng cho khu vực kinh tế tư nhân. Điều kiện cho vay đối với trang trại kinh tế, hộ kinh doanh cá thể hay doanh nghiệp vừa được hình thành đều áp dụng giống như các DNNN, hoặc các doanh nghiệp lớn khác,… trong khi đó, trái ngược với những khó khăn mà khu vực kinh tế tư nhân gặp phải, các DNNN được dễ dãi vay vốn nhờ những quan hệ, áp lực chính trị, là chủ nhân của nhiều dự án đầu tư kém hậu quả, những khoản nợ to lớn khó đòi.

Năm là, mặc dù đã có nhiêu ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước trong việc giải quyết mặt bằng cho sản xuất kinh doanh nhưng khu vực kinh tế tư nhân đang phải đối mặt với khó khăn. Do mặt bằng sản xuất kinh doanh chật hẹp, nhiều doanh nghiệp phải sử dụng nhà ở, đất của gia đình trong khu dân cư làm nơi sản xuất, gây ra ô nhiễm môi trường. Nhiều doanh nghiệp phải đi thuê lại đất, nhà xưởng với tiền thuê đất cao hơn rất nhiều so với giá thuê đất của Nhà nước quy định, nhiều doanh nghiệp không dam mở rộng đầu tư, đầu tư lâu dài vào nhà xưởng, máy móc, thiết bị vì lo phải trả lại đất thuê. Nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc chuyển

đổi mục đích sử dụng đất. Thủ tục liên quan đến đất đai rườm ra, mất nhiều thời gian, công sức, chi phí và cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp.

Hiện nay, Luật đất đai chỉ quy định quyền sử dụng đất, không cho phép tư nhân có quyền sở hữu và hạn chế việc mua bán đất đai. Hậu quả là quyền sử dụng đất không được chuyển nhượng công khai, giá đất thiếu ổn định đẩn đến tình trạng đầu cơ, sử dụng kém hiệu quả. Trong điều kiện như vậy sẽ bất lợi cho các doanh nghiệp mới thành lập khó có mặt bằng ổn định để sản xuất, kinh doanh. Thêm vào đó lại có sự phân biệt đối xử trong DNNN và DNTN, điều này cũng gây bất lợi cho khu vực kinh tế tư nhân.

Sáu là, nguồn nhân lực trong khu vực kinh tế tư nhân còn nhiều bất cập. Lao động trong khu vực kinh tế tư nhân hay trong các DNTN chủ yếu là lao động phổ thông, thiếu kỹ năng, trình độ văn hoá thấp, năm 2007, 86,2% các lao động đang làm việc tại các DNTN không đòi hỏi trình độ công nghệ cao và chủ yếu sử dụng lao động thủ công. Chỉ có 12,7% số lao động đang làm việc trong các DNTN được coi là có sử dụng trình độ công nghệ cao hơn và đòi hỏi chất xám cao hơn này. Theo thống kê, 75% lao động trong khu vực kinh tế tư nhân là chưa qua đào tạo.

Bảy là, trình độ khoa học công nghệ trong khu vực kinh tế tư nhân thấp, theo thống kê từ năm 1993 đến đầu năm 2009, Bộ Kế hoạch và Đầu tư mới phê duyệt được 701 hợp đồng chuyển giao công nghệ, chủ yếu là hợp đồng thuộc các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Bên cạnh đó, với khoảng 480 tổ chức khoa học công nghệ ngoài công lập và trung bình mỗi tổ chức có khoảng 10 nhà khoa học làm việc, hiện có khoảng 4.800 nhà khoa học đang phục vụ thường xuyên trong lĩnh vực kinh tế tư nhân. Khoảng 80 – 90% công nghệ Việt Nam sử dụng là công nghệ ngoại nhập, trong đó 76% máy móc, dây chuyền công nghệ nhập thuộc thế hệ những năm 80-90 của thế kỷ trước, 75% số thiết bị đã hết khấu hao, 50% là đồ tân trang. Tỷ lệ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao chỉ là 2% trong khi đó, tỷ lệ này là 30% ở Thái Lan, 51% ở Malaysia, 73% ở Singapore. Mức độ đầu tư đổi mới công nghệ của doanh nghiệp trung bình dưới 0,5% tổng doanh thu, còn rất thấp so với yêu cầu phát triển.

Tám là, khu vực kinh tế tư nhân gặp nhiều khó khăn trong việc duy trì hiệu quả kinh doanh trong khoảng thời gian dài và đảm bảo khả năng cạnh tranh trên thị trường. Nguyên nhân chính của tình trạng này là, khu vực kinh tế tư nhân mới ở trình độ thấp; tổ chức quản lý trên thực chất vẫn mang tính gia đình; loại hình công ty có phát triển nhưng quy mô sản xuất nhỏ, trình độ công nghệ thấp, khả năng tích tụ vốn và huy động vốn thấp, trình độ và kỹ năng quản lý yếu; nhiều

doanh nghiệp kinh doanh không có chiến lược, mang nặng tính "chụp giật", kinh doanh không ổn định.

Khu vực kinh tế tư nhân cũng chưa thiết lập được sự liên kết giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế với nhau trong từng ngành, giữa các ngành liên quan, hoặc trong từng vùng để tạo thế mạnh của tính hệ thống và hiệu quả của sự phối hợp, Do đó, khó tạo được sức mạnh trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh của từng cá nhân. Từng DNTN mới chỉ dựa vào sức mình là chính, chưa khai thác, sử dụng được sức mạnh của sự liên kết vốn rất cần thiết, nhất là đối với các doanh nghiệp doanh nghiệp nhỏ và vừa. Thực tế đây cũng là vấn đề chung của các doanh nghiệp Việt Nam, với những mạng lưới kinh doanh chưa được hình thành đầy đủ, thiếu những doanh nghiệp thật mạnh có khả năng làm trụ cột, đầu đàn tạo sự liên kết, hợp tác vững chắc để nhân thêm sức mạnh trong cạnh tranh quốc tế.

Chín là, thiếu thị trường tiêu thụ sản phẩm đang là cản trở lớn đến phát triển sản xuất, kinh doanh của khu vực tư nhân. Hầu hết các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân mua nguyên liệu đầu vào và tiêu thụ sản phẩm đầu ra trên thị trường địa phương dựa vào quan hệ cá nhân. Hiện nay, một số hàng hoá của khu vực tư nhân cũng tham gia thị trường thế giới, tuy nhiên sản phẩm đủ chất lượng còn ít mà chịu sức ép cạnh tranh gay gắt. Thêm vào đó hàng hoá tồn đọng trong nước còn lớn, cùng với hàng nhập lậu tràn lan không kiểm soát được làm cho việc tiêu thụ hàng hoá của khu vực tư nhân lâm vào tình tạng bất lợi.

Trong khi các nước đang phát triển luôn luôn gặp sức ép đòi phải mở cửa thị trường, thì trong thực tế các rào cản thuế và phi thuế, các hàng rào kỹ thuật lại ngày càng được các nước phát triển dựng lên nhiều hơn, gây trở ngại cho xuất khẩu của các nước đang phát triển. Nước ta và khu vực kinh tế tư nhân của nước ta thậm chí còn phải chịu sự phân biệt đối xử từ những thủ tục như chứng minh năng lực sản xuất, kiểm tra tại doanh nghiệp... do một số nước bạn hàng tạo thêm. Trong điều kiện như vậy, khoảng cách với bạn hàng, sự hạn chế của khu vực kinh tế tư nhân do thiếu thông tin, hiểu biết, kinh nghiệm, kỹ năng, phương tiện trong kinh doanh quốc tế càng đẩy chúng ta vào thế khó khăn hơn.

Mười là, nhiều quy định của Nhà nước không được thực hiện tốt. Chẳng hạn như: một số DNTN lợi dụng sự sơ hở của pháp luật để trốn thuế, mua bán hóa đơn; nhiều doanh nghiệp không thực hiện thường xuyên chế độ báo cáo tài chính, kê khai nộp thuế; tình trạng làm hàng nhái, làm hàng giả, vi phạm bản quyền về sở hữu công nghiệp, cạnh tranh không lành mạnh, buôn lậu, gian lận thương mại còn diễn ra phổ biến; rất nhiều doanh nghiệp không áp dụng các chế độ phụ cấp, điều kiện bảo hộ và an toàn lao động, đóng bảo hiểm cho xã hội và cho người lao động,…

Như vậy có thể nói, hầu hết các DNTN ở nước ta đều thiếu những nguồn lực cơ bản cần thiết, cũng như thiếu sự liên kết để nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển: nguồn vốn, đất đai, kết cấu hạ tầng, công nghệ, kỹ năng quản lý, nhân lực có chất lượng, thị trường, thông tin... và cả mối quan hệ với các đối tác quan trọng. Bản thân họ không thể có đủ nguồn lực, lại gặp khó khăn rất lớn trong việc tiếp cận với các nguồn lực có sẵn ở bên ngoài doanh nghiệp, kể cả những nguồn đã được Nhà nước cam kết hỗ trợ, ưu đãi hoặc giành quyền bình đẳng khi tiếp cận. Tình trạng thiếu nguồn lực của DNTN bị kéo dài đã hạn chế rất lớn sự phát triển của họ.

III. Những kiến nghị nhằm phát triển lành mạnh và phát huy tác dụng của khu vực kinh tế tư nhân trong những năm tới.

Bên cạnh những thành quả đạt được, khu vực kinh tế tư nhân vẫn đang còn nhiều vấn đề cần phải khắc phục. Việc tổ chức thực hiện chưa thực sự ngang tầm với chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Sự kỳ thị đã tồn tại lâu năm trong cơ chế cũ vẫn chưa được khắc phục hoàn toàn. Quản lý nhà nước với khu vực này còn lỏng lẻo, do đó chưa tạo được môi trường đầu tư thuận lợi và nhiều tiêu cực này sinh,… Do đó, để khu vực kinh tế tư nhân phát huy hết khả năng của mình trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, trong thời gian tới cần lưu ý tới các vấn đề sau:

1. Xác định đúng đắn vai trò quan trọng của khu vực kinh tế tư nhân

Vấn đề cơ bản hiện nay là phải xác định đúng đắn vai trò của kinh tế tư nhân trong nền kinh tế, cải thiện nhận thức của xã hội về khu vực kinh tế này. Do vậy phương hướng cơ bản hiện nay là hạn chế và giảm thiểu những yếu tố cản trở trong môi trường kinh doanh nhằm hạn chế những rủi ro mà khu vực kinh tế tư nhân đang gặp phải. Để giải quyết vấn đề này Đảng và Chính phủ phải khẳng định tầm quan trọng của kinh tế tư nhân trong các văn bản, nghị quyết chính thức, phải thực sự coi kinh tế tư nhân là một bộ phận năng động, tích cực của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Cần phải có sự tuyền truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng những ưu điểm của thành phần kinh tế tư nhân để thay đổi những quan điểm sai lầm về kinh tế tư nhân.

Thay đổi nhận thức về vai trò của khu vực kinh tế tư nhân trong việc đảm bảo sự phát triển thực sự của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trong nền kinh tế thị trường, định hướng XHCN Việt Nam, kinh tế tư nhân mang nhiều tính chất mới. Nó cùng với khu vực kinh tế nhà nước hợp thành nền tảng của kinh tế quốc dân, nó là sinh lực, là động lực của nền kinh tế thị trường.

2. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước:

Ngày nay kinh tế tư nhân không chỉ có tiếng nói quyết định đến sức mạnh kinh tế của hầu hết các quốc gia mà còn trở thành một lực lượng kinh tế có ý nghĩa chính trị toàn cầu. Sự giàu có và thịnh vượng của mỗi quốc gia tùy thuộc rất nhiều vào thái độ của toàn xã hội, đặc biệt là của đảng cầm quyền, đối với khu vực kinh tế trọng yếu này. Kinh tế tư nhân đang hình thành những dạng thức đa dạng và phong phú đặc trưng cho mỗi giai đoạn phát triển của đời sống xã hội. Phát triển khu vực kinh tế tư nhân cũng có nghĩa là bảo tồn tính đa dạng, phong phú của đời sống kinh tế, xem nó như là nguồn gốc của mọi sự phát triển.

Từ đó, Đảng và Nhà nước cần có định hướng chiến lược cho sự phát triển của kinh tế tư nhân, hướng sự phát triển của khu vực kinh tế này này vào những ngành, nghề có lợi thế so sánh. Có chính sách hỗ trợ kinh tế tư nhân liên kết hợp tác với các thành phần kinh tế khác. Do vậy cần phải đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng thông qua pháp luật, chính sách trực tiếp đối với kinh tế tư nhân, tạo sự thống nhất trong nhận thức của toàn Đảng, toàn dân, tạo tâm lý thuận lợi cho sự phát triển của kinh tế tư nhân.

Trong thời gian tới, Đảng và Chính phủ cần chú trọng những điểm sau:

Một là, Chính phủ cần tạo ra một khung pháp lý đồng bộ, có sự nhất quán giữa nhằm tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân phát triển thuận lợi để nó phát huy được vai trò, vị trí và tầm vóc của khu vực kinh tế tư nhân. Tăng cường xử lý và giải quyết những vi phạm để bảo vệ lượi ích chính đáng cho các doanh nghiệp. Cần xóa bỏ mọi kỳ thị, xóa bỏ những thể chế, chính sách còn thể hiện sự phân biệt đối xử giữa kinh tế nhà nước với kinh tế tư nhân, giữa DNNN với DNTN.

Tạo môi trường thuận lợi khuyến khích doanh nghiệp khu vực tư nhân phát triển sản xuất, kinh doanh không hạn chế về quy mô trong những lĩnh vực có lợi cho "quốc kế, dân sinh". Trong thực tế, một môi trường kinh doanh thuận lợi, các doanh nghiệp đều bình đẳng trước pháp luật là yêu cầu hàng đầu để phát triển đất nước trong tình hình mới. Hơn nữa, khi hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng đi vào chiều sâu, việc phân biệt đối xử giữa DNNN với DNTN và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sẽ bị thu hẹp dần, môi trường kinh doanh bình đẳng không thể không thiết lập.

Hai là, nâng cao vai trò quản lý vĩ mô của Nhà nước theo hướng nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý, điều này có ý nghĩa rất quan trọng, thậm chí có tính quyết định trong giải quyết quan hệ giữa Nhà nước – Thị trường – Doanh nghiệp. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật phù hợp với quá trình chuyển đổi sang kinh

tế thị trường, xây dựng môi trường sản xuất kinh doanh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế trong việc tiếp cận với các nguồn vốn tài chính, đất đai, lao động, công nghệ và thông tin thị trường theo hướng chính sách phải nhất quán, minh bạch, đồng bộ và xóa bỏ phân biệt đối xử.

Ba là, xác định rõ chức năng quản lý Nhà nước đối với khu vực kinh tế tư nhân. Đó là: xây dựng, hoàn thiện khung pháp lý và ban hành những chính sách đối với các đơn vị sản xuất, kinh doanh; xây dựng quy hoạch và trợ giúp đào tạo các bộ quản lý cho doanh nghiệp; tích cực kiểm tra việc thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước của các hộ kinh doanh và doanh nghiệp.

Bốn là, cải cách mạnh mẽ hành chính quốc gia cả về bộ máy tổ chức, cơ chế vận hành và đội ngũ công chức, viên chức. Bộ máy Nhà nước còn quá cồng kềnh, hoạt động rườm rà đặc biệt là thủ tục hành chính gây phiền hà cho các doanh nghiệp, trình độ của cán bộ còn hạn chế, thêm vào đó vẫn còn nhiều cán bộ thoái hoá biến chất,.. làm mất niềm tin của các doanh nghiệp.

Việc cải cách hành chính là nhiệm vụ rất quan trọng. Song, cơ bản hơn, chính là việc rà soát lại chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước, cũng tức là xem xét và xác đinh rõ sự "phân vai" của ba tác nhân trong kinh tế thị trường: Nhà nước - Thị trường - Xã hội dân sự. Từ đó, xác định rõ Nhà nước cần làm những gì và không nên hoặc không cần làm những gì, mà nên chuyển giao cho thị trường hoặc các tổ chức xã hội dân sự thực hiện, nhự vậy sẽ đạt hiệu quả kinh tế - xã hội cao hơn, tránh lãnh phí, thất thoát.

Năm là, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ và kiện toàn bộ máy Nhà nước đối với kinh tế tư nhân ở các bộ, ngành và uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố từ khi thành lập, quá trình hoạt động đến khi chấm dứt hoạt động kinh doanh. Chính phủ cần giao nhiệm vụ cho các cấp, các ngành tích cực theo giõi báo cáo tình hình hoạt động của các doanh nghiệp để từ đó đưa ra những biện pháp khắc phục khó khăn cũng như xử lý những sai phạm của kinh tế tư nhân.

Cũng không kém phần quan trọng là chấn chỉnh, làm trong sạch đội ngũ công chức, bởi vì trong thực tế, ngoài những quy định thành văn do các văn bản quy phạm pháp luật quy định, có những quy định "bất thành văn" mà không ít công chức thoái hóa, biến chất tự đặt ra để nhũng nhiễu, hạch sách người dân và doanh nghiệp, trước hết là với các doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân. Chính vì thế, rất cần xác định rõ công chức "chỉ được làm những gì mà pháp luật cho phép", tăng cường trách nhiệm của công chức, tăng cường việc kiểm tra hoạt động cômg vụ của

mỗi công chức, kịp thời chấn chỉnh những hành vi bất hợp pháp của những công chức gây khó cho dân và doanh nghiệp để xoay xở, kiếm chác.

Sáu là, Nhà nước cần thúc đẩy phát triển đầy đủ và đồng bộ các thị trường yếu tố sản xuất như thị trường tài chính, thị trường bất động sản, thị trường lao động, thị trường khoa học – công nghệ. Nhà nước cần các chính sách hỗ trợ về đầu tư, tín dụng, thuế, xúc tiến thương mại, thông tin thị trường. Ngoài ra, cần phát triển mạnh các hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng để tăng cường công tác xúc tiến thương mại, giao lưu, học hỏi, trao đổi thông tin, phát triển và bảo về ngành hàng phát triển, thậm chí đóng vai trò duy trì trật tự thị trường,…

3. Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ nguồn nhân lực

Vấn đề nguồn nhân lực là rất quan trọng đối với nền kinh tế nói chung và của khu vực kinh tế tư nhân nói riêng. Do vậy cần phải có phương hướng đầu tư vào đào tạo bắt đầu từ giáo dục phổ thông và chú trọng đào tạo nghề. Đối với các DNTN thì rất cần một đội ngũ lao động có năng lực, tay nghề cao, có kinh nghiệm, có khả năng sáng tạo để tăng sức cạnh tranh của thành phần kinh tế này với các thành phần kinh tế khác. Hiện nay, lao động trong khu vực kinh tế tư nhân đặc biệt là trong kinh tế hộ còn thấp kém hầu như không qua đào tạo. Do vậy cần có chính sách khuyến khích tiến hành các hoạt động đào tạo dạy nghề, nâng cao trình độ chuyên môn của người lao động. Nhà nước có thể cấp lại một phần hay toàn bộ số tiền thuế thu nhập mà các cơ sở đào tạo, dạy nghề nộp vào ngân sách dùng vào đầu tư phát triển.

Nhà nước cần có sự hỗ trợ về vấn đề đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề. Trong những năm gần đây, với sự phát triển về số lượng, DNTN đã tạo nhiều việc làm cho xã hội song chủ yếu là lao động có trình độ thấp còn những người có trình độ cao lại không muốn làm việc cho khu vực tư nhân. Do vậy, ngay trong quá trình đào tạo Nhà nước phải chú trọng giáo dục ý thức xã hội nhằm tạo cho những người học hiểu được sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế để họ có những hướng đi đúng đắn.

Về phía DNTN phải tạo được niềm tin cho người lao động bằng cách tự khẳng định mình trên thị trường, phải có chiến lược thu hút được những người lao động có trình độ cao bằng những chính sách về lương, điều kiện làm việc để cho người lao động có thể phát huy hết khả năng của mình.

4. Các giải pháp nhằm đảm bảo về vốn cho hoạt động của khu vực kinh tế tư nhân

Mặc dù kinh tế tư nhân đã rất năng động trong việc huy động vốn trong mọi tầng lớp dân cư nhưng số lượng còn hạn chế. Đối với những nguồn vốn của ngân hàng thì khả năng vay là rất khó khăn do có sự phân biệt đối xử giữa khu vực Nhà nước và tư nhân. Do vậy cần phải có sự thay đổi trong tư tưởng cũng như cách thức hoạt động của các ngân hàng.

Nguồn vốn vay từ hệ thống ngân hàng rất quan trọng đối với khu vực tư nhân nhưng trên thực tế thì số vốn mà khu vực tư nhân huy động được từ ngân hàng còn quá nhỏ so với khu vực Nhà nước. Do vậy cần phải có sự đổi mới toàn diện phương thức hoạt động của hệ thống ngân hàng thương mại, đảm bảo sự công bằng khi cho vay đối với mọi thành phần kinh tế, đồng thời phải xử lý nghiêm minh những vi pham, tiêu cực của những người thi hành chính sách tín dụng. Các ngân hàng phải mạnh dạn cho khu vực tư nhân vay vốn dựa vào tính khả thi của các dự án.

Về phía Nhà nước thì phải tạo môi trường pháp lý để DNTN có thể tiếp cận với nguồn vốn vay ưu đãi. Phải có chính sách cho vay ưu đãi cho nhưng ngành hay sản phẩm chú trọng không phân biệt các thành phần kinh tế nhằm tạo điều kiện cho khu vực kinh tế tư nhân phát triển. Tăng cường áp dụng hình thức thuê mua tài chính tạo điều kiện cho những doanh nghiệp vốn ít nhưng vẫn có thể tiếp cận được với những máy móc hiện đại phục vụ cho quá trình sản xuất, kinh doanh. Hiện nay, nợ nần dây dưa của các DNTN khá phổ biến. Do vậy cần nhanh chóng đưa các công ty mua bán nợ vào hoạt động nhằm giúp các doanh nghiệp giải quyết những khó khăn bước đầu về tài chính để vực dậy những doanh nghiệp còn có khả năng tồn tại.

5. Thúc đẩy sự phát triển kết cấu hạ tầng.

Phát triển cơ sở hạ tầng và các dịch vụ thị trường, chú trọng vào việc cung cấp thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin. Nhìn chung thì mức giá của các dịch vụ hàng hoá này còn cao hơn so với các nước trong khu vực. Các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh của nước ta còn quá yếu. Sở dĩ như vậy là do nhận thức của Nhà nước về vai trò của các dịch vụ này chưa sát với thực tiễn, chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh ở nước ta chỉ đạt ở mức trung bình hoặc còn rất kém, khách hàng không tin cậy vào chất lượng của các dịch vụ này. Do vậy các chủ doanh nghiệp thường lâm vào tình trạng thiếu thông tin cần thiết để đưa ra các quyết định. Để khắc phục tình trạng này Nhà nước cần đưa ra một khung pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh.

6. Nâng cao năng lực cạnh tranh của kinh tế tư nhân

Trong nền kinh tế thị trường thì quy luật cạnh tranh là tất yếu, nó là vấn đề sống còn của mọi doanh nghiệp. Do vậy để nâng cao năng lực cạnh tranh khu vực kinh tế tư nhân cần không ngừng cải tiến kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm, đầu tư đổi mới trang thiết bị để tăng năng suất lao động, giảm chi phí đầu vào, hạ giá thành sản phẩm. Làm tốt công tác tiếp thị để ổn định và mở rộng thị phần. Không ngừng nâng cao trình độ kinh doanh, điều hành, quản lý doanh nghiệp của đội ngũ quản lý. Cần phải có những chiến lược phát triển lâu dài, có chính sách đối phó với các đổi thủ cạnh tranh trên thị trường. Tăng cường mối quan hệ liên kết, hợp tác, cung cấp phụ kiện từ các DNTN trong nước. Điều này, không những sẽ giúp hạ giá thành sản phẩm mà còn là cơ hội để các DNTN cải thiện hoạt động sản xuất và phát triển kinh doanh. Trực tiếp tham gia các ngành sản xuất và hoạt động xuất khẩu sẽ tạo điều kiện cho các DNTN trong nước tiếp cận, làm quen với thị trường và công nghệ tiên tiến trên thế giới, cải thiện năng suất.

Khó khăn lớn nhất hiện nay là nguồn nhân lực: là trình độ hạn chế của đội ngũ doanh nhân cũng như của người lao động trong doanh nghiệp khi phải đối mặt với yêu cầu nâng cao khả năng cạnh tranh của từng sản phẩm, dịch vụ cũng như của cả doanh nghiệp. Điều này đòi hỏi mỗi doanh nghiệp, mỗi doanh nhân phải xem lại mình, nhận rõ chỗ mạnh, chỗ yếu, để đề ra cho được những giải pháp thiết thực, bảo đảm hiệu quả. Mỗi doanh nghiệp đề ra cho mình một chiến lược kinh doanh phù hợp với tình hình mới, khi bao cấp không còn, hàng rào bảo hộ phải gỡ bỏ ... Mỗi DNTN phải đề cao văn hóa kinh doanh, tôn trọng pháp luật, tôn trọng người tiêu dùng, tôn trọng bạn hàng, khắc phục tình trạng trốn thuế, lậu thuế, kinh doanh bất hợp pháp.

DNTN ngày càng tăng nhanh, với yêu cầu cắp bách nâng cao hiệu quả kinh doanh cũng như năng lực cạnh tranh của mỗi doanh nghiệp, cũng là nơi để đội ngũ doanh nhân thể hiện tài năng kinh doanh của mình; nói rộng ra, DNTN trở thành nơi đào tạo một đội ngũ những nhà kinh doanh chuyên nghiệp, những tài năng kinh doanh trong nước và vươn ra thế giới của đất nước. Nhân tài quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp chỉ có thể nảy nở trong quá trình vật lộn trên thương trường, trưởng thành trong cạnh tranh gay gắt. Vì thế, mỗi doanh nhân ngày nay chú trọng bồi dưỡng nguồn nhân lực, phát huy cao nhất vốn con người trong doanh nghiệp vào việc hiến kế, nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, chính là vừa đáp ứng yêu cầu trước mắt, song không kém phần quan trọng là vừa góp phần đào tạo nhân tài cho công cuộc quản trị kinh tế đất nước trong tương lai.

Nhìn chung, chặng đường trước mắt của khu vực kinh tế tư nhân nước ta còn rất dài và đầy gian nan. Tuy nhiên, với quyết tâm cao và đường lối, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước trong việc phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam, với lực lượng doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đang trưởng thành, đầy ý chí vươn lên làm giàu cho mình và cho đất nước, với bản lĩnh và tài năng của mình, với sự liên kết, hợp tác ngày càng phát triển giữa các thành phần kinh tế tới nhau nói chung và giữa các doanh nghiệp nói riêng với nhau và với cộng đồng kinh doanh quốc tế, chắc chắn khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam sẽ vượt qua mọi thách thức, giành những thắng lợi lớn hơn trong kinh doanh, phát triển nhanh và vững chắc để làm một động lực mạnh đưa nền kinh tế nước ta phát triển và hội nhập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

- Đặng Minh Tiến, Vai trò và tác động của kinh tế tư nhân đối với sự nghiệp đổi mới đất nước, http://www.vhdn.vn;
- GS.TS. Hồ Văn Vĩnh, Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển kinh tế tư nhân ở nước ta, Tạp chí Lý luận Chính trị, 2007;
- Lê Duy Bình, Đậu Anh Tuấn, Phạm Ngọc Thạch, rà soát một số chỉ tiêu và chính sách nhằm nâng cao chất lượng doanh nghiệp tư nhân trong thập niên tới, Economica Vietnam, 2010;
- Lê Văn Sang; cục diện kinh tế thế giới hai thập niên đầu thế kỷ XXI, 2005
- Nguyễn Quang A (tuyển dịch), Lịch sử với những bài học; bài học chuyển đổi ở Đông Âu, Kornai jancos, 2008
- TS. Nguyễn Đăng Nam, Tài chính với sự phát triển kinh tế tư nhân, Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, 2002;
- PGS. TS. Nguyễn Đình Tài, Khuyến khích phát triển khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam nhìn từ góc độ hiệu quả chính sách, www.vnep.org.vn, 2006
- Niên giám thống kê 2009, Nhà xuất bản Thống kê, 2009;
- Phạm Chi Lan, Phát triển khu vực kinh tế tư nhân trong bối cảnh hội nhập quốc tế, http://www.tapchicongsan.org.vn;
- Trần Bình, Khu vực kinh tế tư nhân – nguồn huyết mạch chưa khai thông, www.vnep.org.vn;
- Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Văn kiện Đại hội VII, Văn kiện Đại hội VIII, Văn kiện Đại hội IX, Văn kiện Đại hội X;
- Một số nguồn khác trên tạp chí, sách báo, internet

Tài liệu tiếng Anh

- Chung Duck-Koo và Eichengreen Barry, The Korea Economy Beyond Crisis. 2004.
- Graham Bannock và cộng sự, Indigenous Private Sector Development and Regulation in Africa and Central Europe: A 10 Country Study, 2002

- Hongliang Zheng và Yang Yang, Chinese private sector development in the past 30 years: retrospect and prospect, Thông tin chuyên đề số 45, Đại học Nottingham, Viện nghiên cứu chính sách Trung Quốc, 2009.
- -Jan Winiecki, The role of the new, entrepreneurial private sector in transition and economic performance in light of the successes in Poland, the Czech Republic and Hungary – Thông tin chuyên đề, Viện nghiên cứu các nền kinh tế chuyển đổi, BOFIT, 2001
- Jwa, Sung-Hee, A New Paradigm for Korea's Economic Development: From Government Control to Market Economy, Palgrave.
- Kim, Ji-Hong, "Korean Experience and African Economic Development", 2006.
- Kim, Joon-Kyung và cộng sự, "Trade, Investment and Economic Integration between South Korea and China: A Step toward East Asian Regionalism", 2005.
- Ngân hàng Hàn Quốc, "Sustaining Korean Economic Growth: A Way Forward", 2004.
- OECD, Accelerating Pro-Poor Growth through Support for Private Sector Development: An Analytical Framework, 2004.
- Olga GARANINA, Russia between transition and globalization, Trường đại học Pierre Mendes France of Grenoble *(Pháp);* Đại học Kinh tế và tài chính St Petersburg *(Nga).*
- Paths out of Poverty - The Role of Private Enterprise in Developing Countries, Cơ quan hợp tác tài chính quốc tế, Washington D.C. 2000
- Tcha, Moon Joong và Chung-Sok Suh, The Korean Economy at the Crossroads, Routledge Curzon, 2003.
- Toshiki Kanamori & Zhijun Zhao, Private Sector Development in the People's Republic of China, Ngân hàng phát triển Châu Á, 2004
- WANG Zhikai, SHI Jinchuan, Private sector and China's institutional transition: with the case studies in Zhejiang and Jiangsu, Trung tâm nghiên cứu kinh tế tư nhân, Đại học Zhejiang, Hàng Châu, Trung Quốc
- The Growing Role of the Development Finance Institutions in International Development Policy, Copenhagen, 2010.